



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC
VIETRANSTIMEX**

Lầu 9, Tòa nhà B&L Tower, 119-121 Ung Văn Khiêm, P.25,
Q.Bình Thạnh, Tp.HCM

Tel : 0283 826 3621 Fax : 0283 826 3621

www.vietranstimex.com.vn sales@vietranstimex.com.vn

Số: 111 /2019/CV-HCNS

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- | | |
|---|---|
| 1. Công ty | CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX |
| 2. Mã chứng khoán | VTX |
| 3. Trụ sở chính | Lầu 9, Tòa nhà B&L Tower, 119-121 Ung Văn Khiêm, P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM. |
| 4. Điện thoại | 0283 826 3621 Fax: 0283 826 3622 |
| 5. Người công bố thông tin | Ông Đỗ Hoàng Phương , Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật. |
| 6. Loại thông tin công bố | <input type="checkbox"/> 24 giờ <input type="checkbox"/> 72 giờ <input type="checkbox"/> Yêu cầu
<input type="checkbox"/> Bất thường <input checked="" type="checkbox"/> Định kỳ |
| 7. Nội dung thông tin công bố | Công ty cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex công bố thông tin về Báo cáo thường niên năm 2018
(Nội dung công bố gửi kèm công bố thông tin này) |
| 8. Địa chỉ website của công ty đăng tải công bố thông tin | www.vietranstimex.com.vn |

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

TP.HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Người thực hiện công bố thông tin

Nơi nhận:

- Như trên;
- HDQT, BKS;
- Lưu HCNS;
- Website Công ty



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đỗ Hoàng Phương



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2018

Trụ sở chính : Lầu 9 Tòa nhà B&L TOWER, số 119 - 121 Ung Văn Khiêm,
Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (0283) 826 3621 Fax: (0283) 826 3622
Email: sales@vietranstimex.com.vn
Website: www.vietranstimex.com.vn



VIETRANSTIMEX

CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX



WE WHEEL THE INDUSTRIES

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

9

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

32

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

60

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

68

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

72



VIETRANSTIMEX

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX**



- THÔNG TIN KHÁI QUÁT
- CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU
- QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN
- NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
- MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ
- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
- CÁC RỦI RO

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX

Tên giao dịch	VIETRANSTIMEX
Tên viết tắt	VTT
Tên Tiếng Anh	VIETRANSTIMEX MULTIMODAL TRANSPORT HOLDING COMPANY
Mã cổ phiếu	VTX
Vốn điều lệ	209.723.210.000 đồng
Vốn chủ sở hữu	241.045.092.505 đồng
Trụ sở chính	Lầu 9 Tòa nhà B&L TOWER, số 119 – 121 Ung Văn Khiêm, P.25, Q. Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	(0283) 826 3621
Fax	(0283) 826 3622
Email	sales@vietranstimex.com.vn
Website	www.vietranstimex.com.vn
Đăng ký DN	Số 0400101901 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 01/11/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 16/01/2019



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

NĂM 2015

- Bảng xếp hạng thường niên đối với 50 Công ty vận tải thiết bị siêu trường siêu trọng hàng đầu thế giới (IC Transport 50) trong năm 2015: Năm 2015 với đoàn phương tiện vận tải có tổng trọng tải 10.275 tấn, Công ty nằm trong Top IC Transport 50 với thứ hạng 38/50 và là doanh nghiệp duy nhất của Việt Nam và Đông Nam Á trong bảng xếp hạng thường niên này;
- 100.000 giờ làm việc an toàn: Ngày 11/11/2015, Ban điều hành vận tải dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn (Ban Nghi Sơn) đã long trọng tổ chức Lễ chúc mừng Công ty đạt cột mốc 100.000 giờ làm việc an toàn tại vùng kho bãi Nhà máy Lọc dầu Nghi Sơn, Xã Hải Thượng, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa;
- Lãnh đạo Thành ủy Đà Nẵng đến thăm Công ty: Ngày 13/10/2015, Lãnh đạo Thành ủy Đà Nẵng do Đồng chí Phó Bí thư thường trực Võ Công Trí dẫn đầu đã đến thăm và chúc mừng Công ty nhân ngày doanh nhân Việt Nam.



NĂM 2016

- Xếp hạng thứ 216 Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng và triển vọng xuất sắc nhất Việt Nam năm 2016;
- Xếp hạng thứ 43 Bảng xếp hạng Top 500 Công ty Vận tải hàng nặng Thế giới năm 2016: Vietranstimex luôn có mặt trong Top 50 của bảng xếp hạng trong 5 năm liên tiếp kể từ 2011;
- Lễ kỷ niệm 40 năm thành lập Vietranstimex (1976 – 2016): 40 năm vững bước dẫn đầu – Vươn tầm cao mới Công ty được xếp Top 50 doanh nghiệp vận tải hàng nặng hàng đầu thế giới trong 6 năm liên từ 2011 do Hiệp hội vận tải hàng nặng SC&RA bình chọn.
- Cổ phiếu mã VTX của Vietranstimex lọt vào danh sách UPCOM Premium 86: Ngày 17/06/2016, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã cho công bố bảng danh sách UPCOM Premium với 86 cổ phiếu chọn lọc trong số các cổ phiếu chưa được niêm yết tại sàn. Cổ phiếu của Vietranstimex với mã VTX đã có tên trong danh sách này;
- Giấy khen vì thành tích tốt trong việc chấp hành pháp luật lao động 24.11;
- Dự án tiêu biểu của Vietranstimex được Hiệp hội Logistics toàn cầu ghi nhận: Công trình “Vận chuyển và hạ thủy kiện Toppide Module 2 nặng ba ngàn tấn tại Cảng hạ lưu PTSC, Vũng Tàu của Vietranstimex đã vinh dự được xếp hạng cao nhất và in ở trang đầu của tạp san căn cứ vào tính chất công việc, cấu hình cơ-mooc và trọng lượng hàng hóa vận chuyển.

NĂM 2017

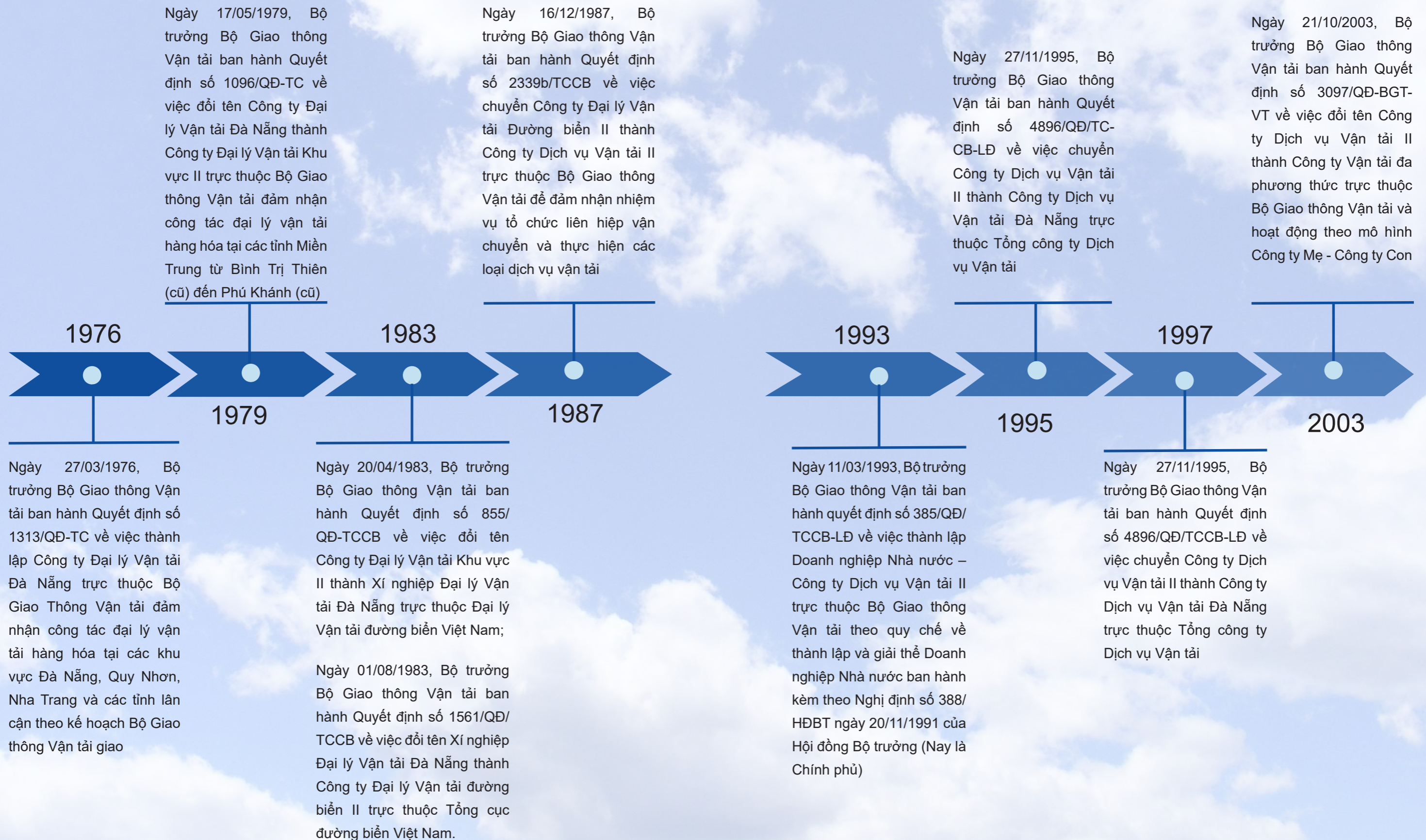
- Dự án tiêu biểu của Vietranstimex được hiệp hội Logistics toàn cầu (GPLN) ghi nhận;
- Xếp hạng thứ 34 Bảng xếp hạng Top 50 Công ty Vận tải hàng nặng thế giới năm 2017: Vietranstimex đã có một bước tiến nhảy vọt khi vượt từ vị trí 43 lên vị trí thứ 34 trên bảng xếp hạng Top 50 Công ty bốc xếp, vận tải hàng nặng hàng đầu thế giới năm 2017 (ICT50 2017);
- Xếp hạng 311 trong Top 500 Công ty tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2017: Ngày 12/04/2017, Tổng giám đốc Vietranstimex – ông Võ Duy Nghi đã tham dự Lễ công bố Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng và triển vọng xuất sắc nhất Việt Nam do Ban Tổ chức FAST500 - Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) và Báo Vietnam Net - Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện tại Trung tâm hội nghị Quốc gia, Hà Nội;
- Top 10 Doanh nghiệp mạnh APEC 2017: Vào ngày 16/09/2017, đại diện Vietranstimex, ông Lê Bá Thọ – Chủ tịch HĐQT đã đến và nhận giải tại “Lễ công bố Tự hào doanh nghiệp, thương hiệu APEC 2017” do tạp chí Việt Nam hội nhập tổ chức nhằm quảng bá thương hiệu, vinh danh những nỗ lực, đóng góp của các doanh nghiệp cho cộng đồng và sự phát triển của xã hội.



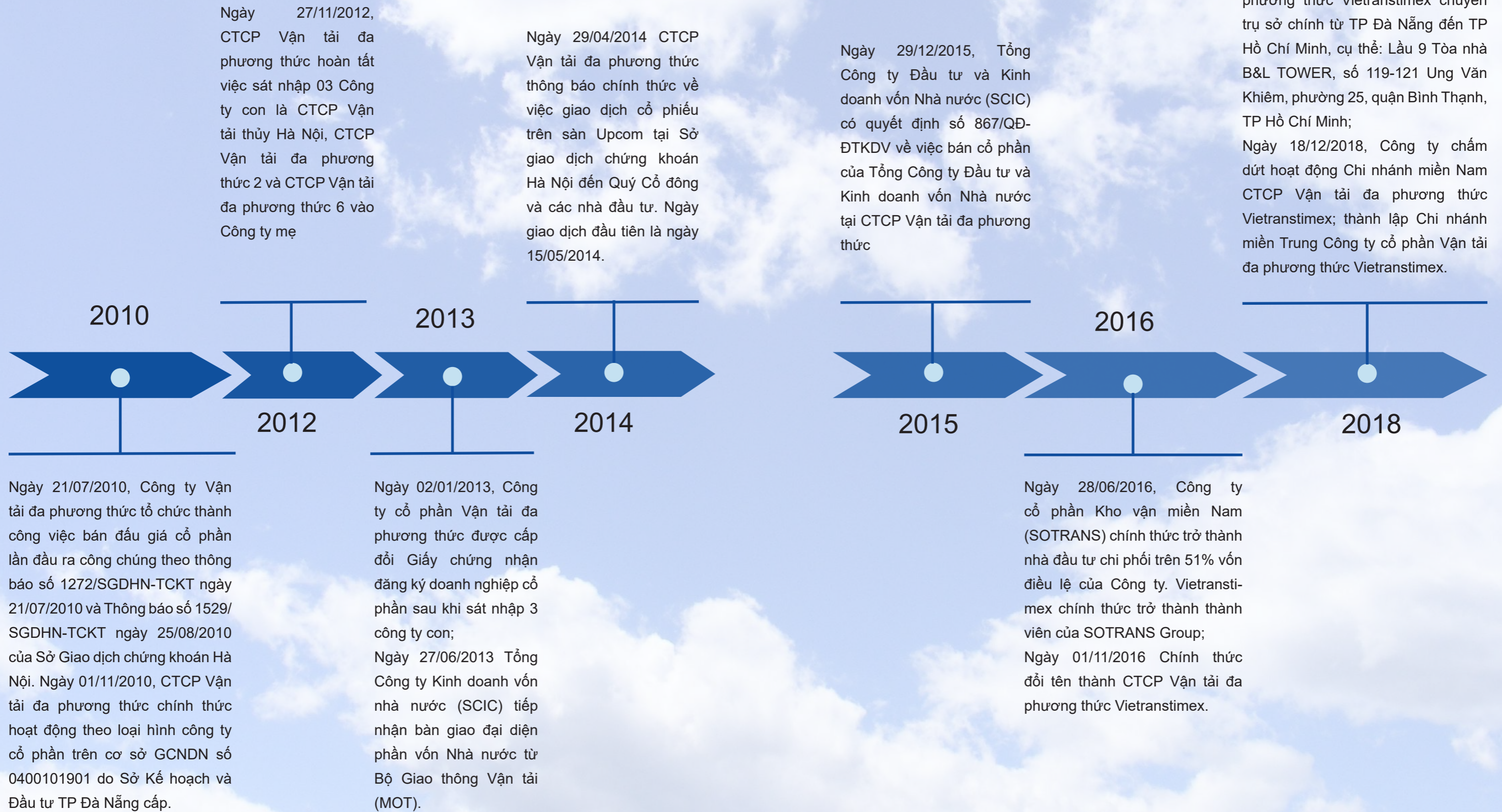
NĂM 2018

- Xếp hạng thứ 35 Bảng xếp hạng Top 50 Công ty Vận tải hàng nặng thế giới năm 2018: Vietranstimex đứng thứ 35 trên bảng xếp hạng Top 50 Công ty bốc xếp, vận tải hàng nặng hàng đầu thế giới năm 2018 (ICT50 2018). Đây là năm thứ 8 liên tiếp Vietranstimex có mặt trong Top 50 bảng xếp hạng thường niên này.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

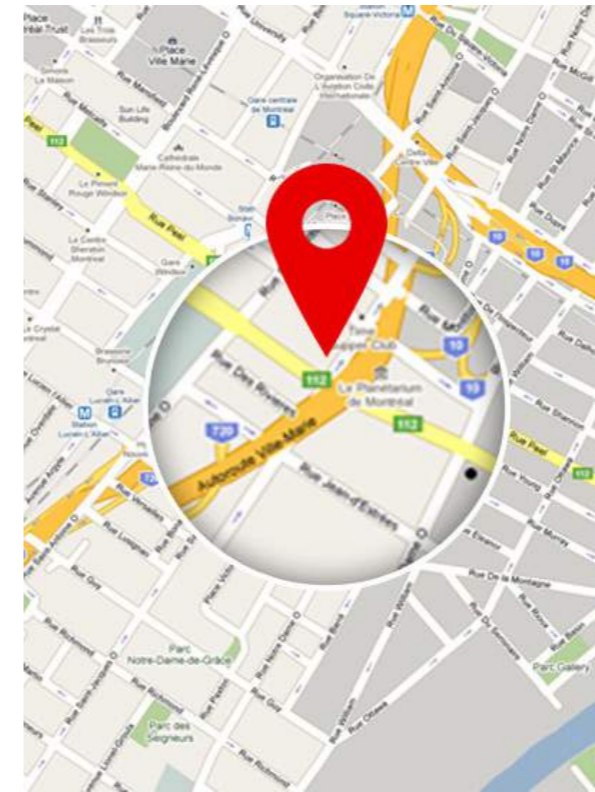


NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
Chi tiết: Kinh doanh vận tải đa phương thức trong nước và quốc tế. Kinh doanh vận tải, dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; đại lý tàu biển và môi giới hàng hải; dịch vụ phụ trợ cho cảng sông, cảng biển; kinh doanh vận tải, dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường thủy. Quản lý và khai thác cảng sông và cảng biển. Dịch vụ cảng và bến cảng;
- Bốc xếp hàng hóa;
Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa; các dịch vụ phụ trợ bốc xếp khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
Chi tiết: Cho thuê kho bãi, lưu giữ hàng hóa; dịch vụ kho ngoại quan;

Địa bàn kinh doanh



- **Chi nhánh miền Bắc CTCP Vận tải đa phương thức Vietranstimex:** Số 615A, đường Nguyễn Khoái, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Hà Nội;
- **Chi nhánh miền Trung Công ty CP Vận tải đa phương thức Vietranstimex:** 80 – 82 Bạch Đằng, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng, Việt Nam;
- **Chi nhánh Vietranstimex Quảng Ngãi CTCP Vận tải đa phương thức Vietranstimex:** Phân khu Sài Gòn – Dung Quất, KKT Dung Quất, Xã Bình Thạnh, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi;
- **Văn phòng đại diện tại Lào:** Tổ 6, Bản Phon Thanh, Huyện Xaysettha, Thủ đô Viêng Chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào;
- **Văn phòng đại diện tại Campuchia:** Tòa nhà KT Tower, số 23, đường 112, Phường Đe po 3, Quận Tua Kok, Phnom Penh, Vương quốc Campuchia.



- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ logistic. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Dịch vụ khai thuê hải quan. Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải. Dịch vụ cảng: hoa tiêu lái dật và hỗ trợ kéo tàu biển, cung cấp thực phẩm, dầu, nước, thu gom đồ rác và xử lý nước la canh thải, dịch vụ cảng vụ, bảo đảm hàng hải, dịch vụ khai thác trên bờ cần thiết cho hoạt động con tàu kể cả cung cấp thông tin liên lạc, nước và điện, sửa chữa khẩn cấp trang thiết bị, dịch vụ neo đậu và cầu cảng.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

Mô hình quản trị

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo qui định của Luật Doanh nghiệp và các qui định pháp luật liên quan

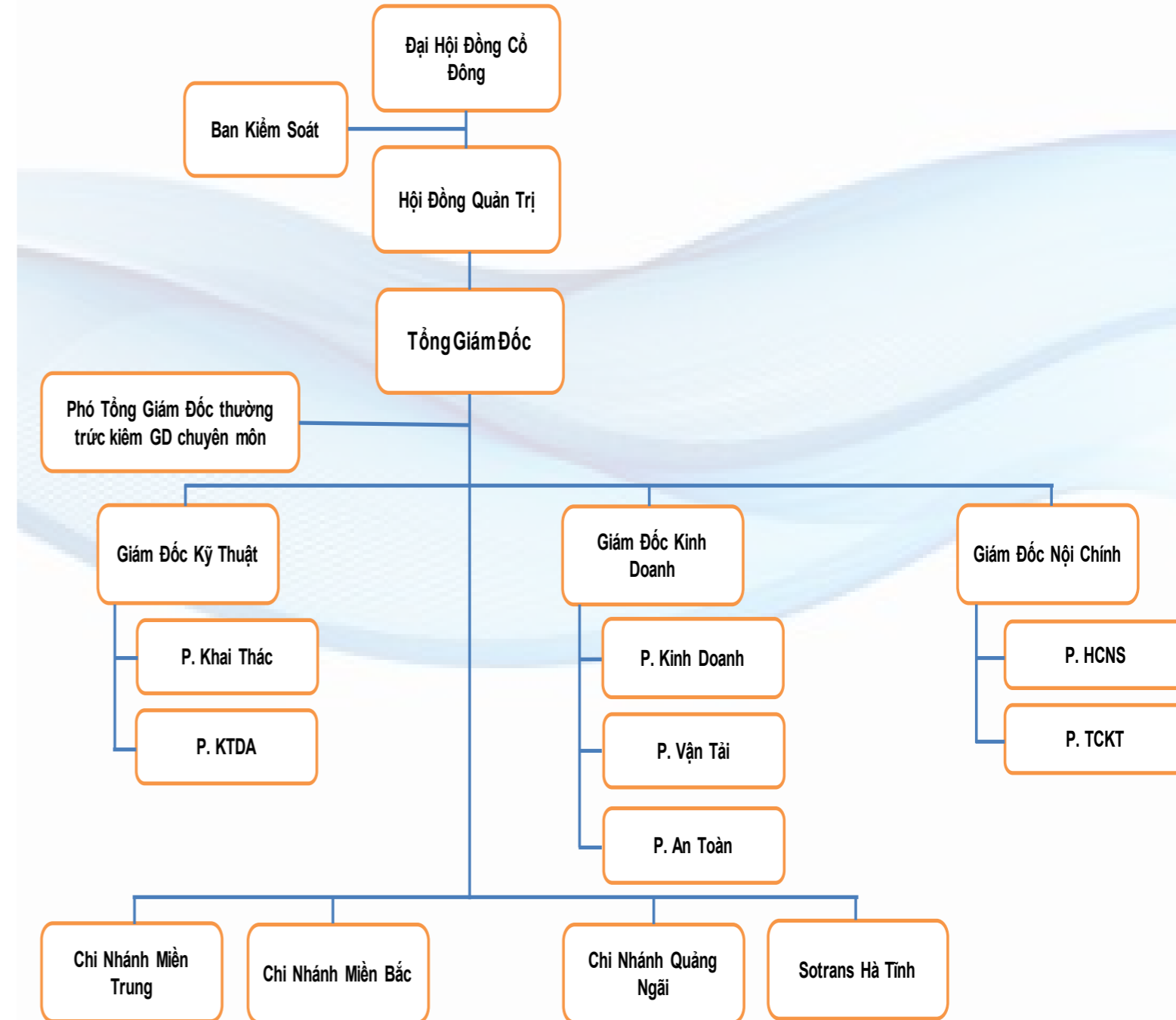
- **Đại hội đồng cổ đông:** bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất Công ty;
- **Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT công ty gồm 05 thành viên, có trách nhiệm giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty;
- **Tổng Giám đốc:** là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- **Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan thay mặt cổ đông để giám sát HĐQT, BGĐ trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát gồm 03 thành viên.



Công ty con, Công ty liên kết:

STT	Khoản mục	Thông tin
1	Tên công ty	Công ty TNHH Liên doanh BNX - VIETRANSTIMEX
2	Địa chỉ	40 Lê Văn Linh, Phường 12, Quận 4, TP Hồ Chí Minh
3	Mã số thuế	0305664830
4	Nơi đăng ký	Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh
5	Tình trạng	Ngừng hoạt động theo biên bản thỏa thuận số VTT-BNX/2011 ngày 04 tháng 04 năm 2011
6	Tỷ lệ sở hữu của Vietranstimex	51%

Sơ đồ bộ máy quản lý





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chiến lược chủ yếu của Công ty

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

ĐOÀN KẾT
TRUNG THỰC
SÁNG TẠO

TÂM NHÌN

“Trở thành một doanh nghiệp vận tải xếp dỡ với công nghệ tiên tiến, quản lý chuyên nghiệp và đổi mới liên tục, toàn diện”



VIETRANSTIMEX

SỨ MỆNH

“Mang đến cho khách hàng sự an toàn, tin cậy tuyệt đối, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động trong ngôi nhà chung Vietranstimex, góp phần vào công cuộc xây dựng đất nước ngày càng phồn vinh”.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục theo đuổi chiến lược cạnh tranh hỗn hợp giữa dịch vụ khác biệt và giá cả hợp lý;
- Tập trung vào các khách hàng mục tiêu thuộc các ngành công nghiệp có triển vọng tăng trưởng cao như: Xây lắp dầu khí, sản xuất và truyền tải điện, xi măng, hóa chất và giao thông;
- Liên doanh với các tập đoàn vận tải hàng đầu trên thế giới có cùng ngành nghề, công nghệ tiên tiến và năng lực mạnh để đấu thầu vận tải trong nước và quốc tế;
- Sử dụng hợp lý đòn bẩy tài chính để đổi mới công nghệ, đầu tư năng lực phương tiện thiết bị vận tải xếp dỡ hàng siêu trường siêu trọng. Tăng cường sử dụng nhà thầu phụ để triển khai các dự án vận chuyển hàng thông thường;
- Phát triển nguồn nhân lực và hệ thống quản trị trở thành năng lực cốt lõi; công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật ứng dụng và công nghệ thực hiện các dịch vụ kỹ thuật vận tải, xếp dỡ và lắp đặt thiết bị siêu trường siêu trọng;
- Mở rộng ngành nghề kinh doanh, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ qua việc phát triển lĩnh vực lắp đặt thiết bị, logistics nhằm nâng cao giá trị và tầm ảnh hưởng trong lĩnh vực hoạt động của công ty.

Các mục tiêu phát triển bền vững



Mục tiêu đối với môi trường

- Một trong những yếu tố quyết định sự thành công của Vietranstimex trong những năm qua là việc cam kết tuân thủ Chính sách An toàn, Sức khỏe và Môi trường trong toàn Công ty. Đây là một yêu cầu bắt buộc trong lĩnh vực vận tải, xếp dỡ thiết bị siêu trường siêu trọng đòi hỏi mức độ an toàn rất cao với các quy trình kiểm tra và giám sát tuân thủ hết sức nghiêm ngặt. Điều này phù hợp với Chính sách chất lượng mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã đề ra;
- Chính sách An toàn Sức khỏe và Môi trường đã thể hiện sự cam kết của Ban lãnh đạo Công ty là: “Đảm bảo an toàn và sức khỏe cho tất cả người lao động của Công ty, đối tác, nhà thầu, khách hàng và cộng đồng có liên quan trong các hoạt động của Công ty; bảo vệ môi trường trong tất cả các hoạt động của Công ty và phù hợp với các quy định, luật lệ, quy tắc, công ước, tiêu chuẩn liên quan của Nhà nước và Quốc tế”;
- Việc áp dụng Chính sách An toàn, Sức khỏe và Môi trường đã đem lại những thành công lớn, góp phần không nhỏ vào việc duy trì ổn định và tăng cường bền vững của Công ty. Các mối nguy cơ, nguy hiểm trong các hoạt động sản xuất kinh doanh đã được dự báo và kiểm soát; công tác kiểm tra, giám sát an toàn, sức khỏe và môi trường được duy trì thường xuyên.



Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng

- Trách nhiệm xã hội của chúng tôi (Corporate Social Responsibility hay CSR) được hiểu là “Sự cam kết của doanh nghiệp đóng góp cho việc phát triển kinh tế bền vững, thông qua những việc làm nâng cao chất lượng đời sống của người lao động và các thành viên trong gia đình họ, cho cộng đồng và toàn xã hội, theo cách có lợi cho cả doanh nghiệp cũng như phát triển chung của xã hội”;
- Chúng tôi luôn tuân thủ những chuẩn mực về bảo vệ môi trường, bình đẳng về giới, an toàn lao động, quyền lợi lao động, trả lương công bằng, đào tạo và phát triển nhân viên, phát triển cộng đồng...thông qua những hoạt động cụ thể của chúng tôi trong suốt thời gian qua như: phụng dưỡng và chăm sóc Mẹ Việt Nam Anh Hùng; xây nhà tình thương, tình nghĩa; ủng hộ bão lụt thiên tai, hiến máu nhân đạo,...

CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, GDP năm 2018 tăng trưởng đạt 7,08% so với năm 2017, vượt mức kế hoạch 6,7% và là mức tăng trưởng cao nhất trong 11 năm qua kể từ năm 2008. Nền kinh tế phát triển đồng đều trên tất cả các lĩnh vực cho thấy Việt Nam đang trên đà tăng trưởng mạnh mẽ và ngày càng mở rộng, sẽ mang đến những cơ hội và cả những thách thức lớn cho các doanh nghiệp.



Năm 2018, Việt Nam tham gia vào Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVFTA đang dự kiến được Nghị viện Châu Âu phê chuẩn trong năm 2019 và hàng loạt các hiệp định khác đem đến cơ hội phát triển toàn diện về kinh tế, chính trị, đối ngoại. Việc tham gia vào các hiệp định thương mại tự do này sẽ tạo một môi trường kinh tế thuận lợi, ưu đãi về thuế quan, tiềm năng về xuất khẩu, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp tham gia sâu hơn và rộng hơn vào chuỗi cung ứng trong khu vực và thế giới,... từ đó tăng cường hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu hàng hóa sẽ kéo theo sự phát triển mạnh của ngành vận tải và ngành logistics, sẽ đem đến những cơ hội cho Công ty mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, Chính phủ cũng chú trọng đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng đường thủy, đường bộ, cảng biển,... cụ thể những tháng cuối năm 2018 hàng loạt các dự án hạ tầng trọng điểm được kích hoạt như: Cảng hàng không Quốc tế Vân Đồn, cao tốc Hạ Long – Vân Đồn, cao tốc Hạ Long – Hải Phòng – Hà Nội,... và các dự án đang được thực hiện như: Đường cao tốc Bắc – Nam, Tuyến tàu điện ngầm Bến Thành – Suối Tiên, Tuyến Metro số 5,... là điều kiện thuận lợi cho các công ty vận tải như Vietranstimex trong hoạt động kinh doanh vận tải hàng hóa, dịch vụ giúp Công ty vận chuyển hàng hóa dễ dàng, nhanh chóng hơn và tiết kiệm chi phí.

Đứng trước những cơ hội hấp dẫn của sự phát triển nhanh chóng bên cạnh những khó khăn thách thức trên, Công ty đã và đang tăng cường cải thiện, đổi mới chiến lược kinh doanh; mở rộng hợp tác với nhiều đối tác lớn trong và ngoài nước; đồng thời ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại vào trong hoạt động sản xuất kinh doanh để nâng cao chất lượng và hiệu quả, tăng sức cạnh tranh trong thị trường nội địa và khu vực.



Rủi ro thanh khoản

Công ty luôn quan tâm chú trọng trong công tác phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh kết hợp quản lý rủi ro thanh khoản. Năm 2018, Công ty đã cải thiện được hệ số thanh toán thông qua cải thiện gia tăng tình hình tài sản ngắn hạn và giảm thiểu nợ vay tài chính ngắn hạn. Tuy nhiên, Công ty thực hiện nới lỏng chính sách bán hàng nên phần lớn tài sản ngắn hạn của Công ty là khoản phải thu ngắn hạn khách hàng, vòng quay khoản phải thu giảm nên làm chậm khả năng thu hồi vốn và giảm tính thanh khoản của Công ty. Công ty đang thực hiện tái cấu trúc nên còn gặp nhiều khó khăn trong việc cải thiện chính sách hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý thanh khoản. Tuy nhiên, trong quý 04/2018, Công ty đã hoàn thành công tác nghiệm thu và hoạch toán doanh thu góp phần cải thiện dòng tiền chuẩn bị tái đầu tư năm 2019.

Rủi ro tỷ giá

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty thường xuyên có những giao dịch thanh toán cước phí, mua sắm, đổi mới, sửa chữa hay bảo trì trang thiết bị chuyên dùng bằng ngoại tệ, mà chủ yếu là tỷ giá USD/VND. Năm 2016 và 2017, tỷ giá USD/VND rất ổn định, tuy nhiên trong năm 2018 sự tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và xu hướng tỷ giá gia tăng đã làm cho tỷ giá USD/VND tăng mạnh và giữ mức cao đến cuối năm 2018, cụ thể theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm tháng 12/2018 tỷ giá chính thức giảm 110 đồng/USD về mức 23.165/23.255 đồng và tỷ giá tự do giảm 130 – 135 đồng/USD về mức 23.270/23.290 đồng. Tính chung cả năm 2018, VND đã mất giá khoảng 2,2 – 2,3% so với USD. Dù đã có dấu hiệu hạ nhiệt của tỷ giá USD/VND nhưng sự mất giá của VND đã bộc lộ rủi ro tỷ giá, tác động trực tiếp đến những công ty có hoạt động thương mại quốc tế, trong đó có Công ty Cổ phần Vận tải Vietranstimex. Với định hướng điều hành nhằm duy trì mức giảm giá của VND ở mức hợp lý của Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tài chính uy tín dự báo tỷ giá trung tâm VND sẽ biến động ở mức xấp xỉ năm 2018, điều này có ý nghĩa kinh tế quan trọng giúp Công ty hoạch định chính sách mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh kết hợp với những biện pháp phòng ngừa rủi ro tỷ giá.



Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro kể trên, còn có những rủi ro khác như: thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn,... thường hiếm khi xảy ra nhưng khi xảy ra sẽ để lại hậu quả nghiêm trọng về tính mạng và tài sản. Công ty cần đảm bảo luôn thực hiện tốt và thường xuyên kiểm tra trong công tác phòng ngừa rủi ro bằng các phương thức như: mua bảo hiểm tài sản, hàng hóa, trang bị đầy đủ dụng cụ và thiết bị phòng cháy chữa cháy,... để hạn chế tối đa mức tổn thất khi có rủi ro.

Rủi ro giá nguyên nhiên liệu

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu liên quan đến vận tải và dịch vụ logistics, do đó, một trong những chi phí lớn của Công ty đến từ chi phí nguyên nhiên liệu, chủ yếu là xăng dầu. Năm 2018, giá xăng dầu trên thế giới đã tăng lên mức cao nhất 4 năm, cụ thể là giá dầu Brent biển Bắc đạt mức 84,16 USD/thùng tại thời điểm tháng 10/2018, trước khi sụt giảm hơn 30 USD/thùng vào giai đoạn cuối năm. Một số nguyên nhân dẫn đến việc đẩy giá dầu thế giới tăng cao sau đó sụt giảm là các lệnh trừng phạt Iran, căng thẳng giữa Mỹ - Saudi Abradi, Mỹ - Nga, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung,... và giá xăng dầu trong nước phụ thuộc rất lớn vào thị trường xăng dầu thế giới. Theo đánh giá của Petrolimex, thị trường xăng dầu trong nước năm 2018 đã trải qua 24 lần điều chỉnh, tính chung cả năm giá xăng giảm hơn 1000 đồng/lít, trong khi giá dầu lại tăng 800 – 1600 đồng/lít, kg tùy loại. Thêm vào đó, từ ngày 01/01/2019, giá xăng dầu Việt nam sẽ áp dụng thêm phí bảo vệ môi trường theo

Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH ngày 26/09/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về biểu thuế bảo vệ môi trường. Để giữ bình ổn thị trường, liên Bộ tài chính – Công thương đã chỉ Quỹ bình ổn xăng dầu để ổn định thị trường. Tuy nhiên, diễn biến về thị trường dầu thế giới là rất phức tạp cho nên rất khó để có thể lường trước chiều hướng thay đổi giá xăng dầu.

Không chỉ ở Việt Nam, thị trường nhiên liệu và những biến động của nó là một yếu tố vĩ mô được quan tâm hàng đầu ở tất cả các quốc gia bởi tầm quan trọng đối với nền kinh tế của cả thế giới, cho nên khi giá xăng dầu diễn biến bất thường sẽ tác động trực tiếp lên chi phí, và lợi nhuận của các công ty trong nền kinh tế, đặc biệt là các công ty sử dụng nguồn nguyên nhiên liệu chủ yếu là xăng dầu như Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Vietranstimex. Do đó, Công ty luôn quan tâm, theo dõi diễn biến thị trường nhiên liệu trong nước và thế giới nhằm có những biện pháp ứng phó kịp thời với tình hình thực tế.



Rủi ro nguồn nhân lực

Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Vietranstimex hoạt động trong ngành vận tải siêu trường siêu trọng là lĩnh vực kinh doanh đặc thù đòi hỏi nguồn lao động có trình độ chuyên môn cao và chuyên biệt. Theo Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ logistics Việt Nam (VLA), giai đoạn 2017 - 2020, ngành logistics Việt Nam cần thêm khoảng 200.000 lao động chất lượng cao, có trình độ chuyên môn, kỹ năng và trình độ tiếng Anh. Đến năm 2025, con số sẽ là 300.000 nhân viên chuyên nghiệp, có trình độ chuyên môn, ICT, tiếng Anh để đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh cuộc Cách mạng công

ng nghiệp 4.0. Nhu cầu về nguồn nhân lực, yêu cầu về chất lượng ngày càng tăng cao là khó khăn lớn nhất đặt ra cho các công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực nói chung và cho Vietranstimex nói riêng, phải làm sao để vừa thu hút được nhân tài vừa đảm bảo cân bằng được chi phí nhân công hợp lý và cạnh tranh so với thị trường. Công ty luôn chú trọng trong vấn đề về an toàn lao động, quyền lợi lao động, đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ tay nghề cao, trả lương công bằng theo đúng năng lực nhằm khuyến khích người lao động phát huy hết tiềm năng trong công việc, góp phần gia tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.





Rủi ro lãi suất

Vốn vay từ ngân hàng là một nguồn vốn không thể thiếu trong quá trình hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng. Việc thực hiện các dự án từ khi ký kết hợp đồng, bắt đầu thực hiện cho đến khi hoàn thành thường kéo dài nhiều năm khiến nhu cầu vốn lưu động của Công ty khá lớn. Do đó Công ty thường xuyên sử dụng vốn vay ngân hàng với lãi suất thả nổi.

Theo số liệu của Viện Chiến lược ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước, hiện nay lãi suất cho vay VND ổn định ở mức 6%/năm - 9%/năm đối với ngắn hạn, 9%/năm - 11%/năm đối với dài hạn, mặc dù chịu các áp lực từ việc tăng lãi suất huy động và lãi suất trên thị trường liên ngân hàng kể từ khi bước vào quý III năm 2018 nhưng với những chính sách điều hành linh hoạt, kịp thời của Ngân hàng Nhà nước, thị trường tiền tệ tiếp tục ổn định, hỗ trợ cho việc giảm mặt bằng lãi suất cho vay trong nền kinh tế.

Trong năm 2018, nợ vay ngắn hạn của Công ty đã giảm đáng kể 54,76% và không có nợ vay dài hạn kết hợp với lãi suất cho vay ổn định của thị trường giúp Công ty giảm thiểu được rủi ro về biến động lãi suất. Tuy nhiên, theo các chuyên gia tài chính, năm 2019 dự báo lãi suất sẽ tiếp tục chịu áp lực gia tăng do nhiều nguyên nhân: Cục Dự trữ Liên bang (FED) nhiều khả năng sẽ tiếp tục tăng lãi suất trong năm 2019, dự báo lạm phát năm 2019 có thể sẽ cao hơn năm 2018 tạo áp lực tăng lãi suất tiền gửi ngân hàng,... ngoài ra còn các yếu tố chính sách tiền tệ của các quốc gia trên thế giới đang theo hướng thắt chặt hơn, góp phần làm gia tăng lãi suất và chi phí vay mượn trong nền kinh tế. Công ty phải đối mặt với rủi ro về lãi suất mỗi khi thị trường biến động, tuy nhiên với chính sách cân đối nguồn vốn hợp lý, Công ty vẫn luôn kiểm soát được rủi ro này, đảm bảo thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ trả nợ.

Rủi ro pháp luật

Đối với mỗi doanh nghiệp, trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, việc tuân thủ đúng các quy định của pháp luật là điều kiện quan trọng để doanh nghiệp hoạt động ổn định và hiệu quả. Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành vận tải và là công ty cổ phần đại chúng, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Vietranstimax chịu sự chi phối của nhiều văn bản, quy phạm pháp luật như: Luật Giao thông đường bộ, Luật Hàng hải, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Hải quan... và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Năm 2018 là năm thứ hai các doanh nghiệp trong ngành logistics tiếp tục thực hiện Quyết định 200/QĐ-TT ban hành ngày 14/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025, cho nên đây sẽ là một bước đệm vững chắc cho sự phát triển của ngành logistics trong thời gian tới.

Ngoài ra, cùng với Quyết định 200/QĐ-TT, còn có một số văn bản pháp luật quan trọng khác liên quan như Luật Quản lý ngoại thương đã được Quốc hội thông qua năm 2017, chính thức có hiệu lực từ 01/01/2018, gồm 8 Chương 113 Điều quy định về biện pháp quản lý ngoại thương, phát triển hoạt động ngoại thương; Nghị định 163/2017/NĐ-CP do Chính phủ ban hành quy định về kinh doanh dịch vụ logistics...

Những văn bản luật và dưới luật của Việt Nam vẫn đang được hoàn thiện, sửa chữa và bổ sung trong quá trình đổi mới và hội nhập, cho nên bất kỳ thay đổi nào trong khung pháp lý đều sẽ tác động đến hoạt động quản trị và sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty luôn theo dõi, cập nhật liên tục những thay đổi, đồng thời tìm hiểu cụ thể những quy định mới để vận dụng vào trong doanh nghiệp kịp thời và tuân thủ đúng pháp luật.



- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- TỔ CHỨC NHÂN SỰ
- TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU
- BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng/ Giảm
1	Doanh thu thuần	280.821	343.965	22,49%
1.1	<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải và cho thuê</i>	280.663	343.965	22,52%
1.2	<i>Doanh thu bán hàng</i>	158	-	-
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.348	44.572	10,47%
3	Giá vốn hàng bán	240.473	299.393	24,50%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	3.008	4.620	53,60%
5	Chi phí tài chính	1.260	1.510	19,76%
	<i>Chi phí lãi vay</i>	1.130	1.428	26,32%
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	32.140	38.210	18,89%
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	9.956	9.472	-4,86%
8	Lợi nhuận khác	14.745	948	-93,57%
9	Lợi nhuận trước thuế	24.700	10.419	-57,82%
10	Lợi nhuận sau thuế	17.644	6.090	-65,48%

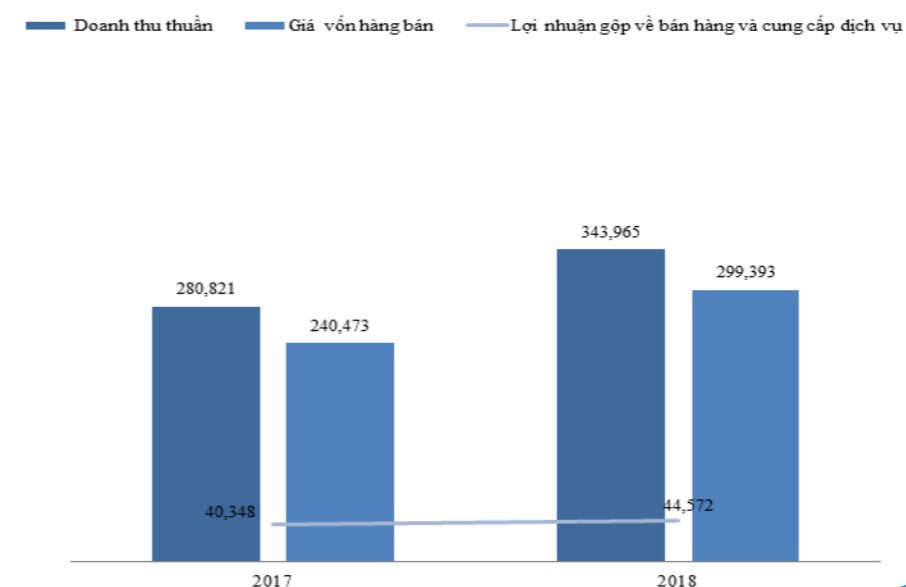


Năm 2018, doanh thu thuần của Công ty đạt 344 tỷ đồng, gia tăng 22,49% so với năm 2017, doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải và cho thuê. Tuy nhiên bên cạnh sự gia tăng trong doanh thu, giá vốn hàng bán của Công ty cũng gia tăng từ 240 tỷ đồng lên 299 tỷ đồng, tăng 24,50% so với năm 2017. Lợi nhuận gộp của công ty năm 2018 đạt 44,57 tỷ đồng gia tăng 10,47% so với năm 2017, doanh thu gia tăng kéo theo sự gia tăng lợi nhuận gộp của Công ty.

Doanh thu hoạt động tài chính trong năm tăng 53,60% so với năm 2017, tăng từ 3 tỷ đồng lên 4,62 tỷ đồng, nguyên nhân gia tăng chủ yếu đến từ sự gia tăng lãi chênh lệch tỷ giá và lãi tiền gửi. Chi phí tài chính gia tăng 19,76% so với năm 2017, nguyên nhân là do biến động gia tăng lãi suất từ giữa năm 2018 và thời điểm cuối năm 2018 Công ty có khoản vay 14,9 tỷ đồng được tính theo lãi suất thị trường tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương chi nhánh Đà Nẵng nên chi phí lãi vay tăng 26,32%, kéo theo sự gia tăng trong chi phí tài chính. Bên cạnh đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tăng từ 32,14 tỷ đồng lên 38,21 tỷ đồng, tương ứng tăng

18,89% so với năm 2017 do gia tăng trong chi phí nhân công làm giảm lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2018. Năm 2018, thu nhập khác của Công ty giảm 89,82% so với cùng kỳ năm trước, kéo theo lợi nhuận khác giảm còn 948 triệu đồng, giảm 93,57%. Nguyên nhân là trong năm 2017, Công ty có khoản thu nhập không thường xuyên đến từ thanh lý tài sản cố định. Sự gia tăng hầu hết các chi phí và sự sụt giảm đến 93,57% trong thu nhập khác kéo theo tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 57,71% so với năm 2017, còn 10,42 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế giảm 65,48% còn 6,09 tỷ đồng.

Hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm

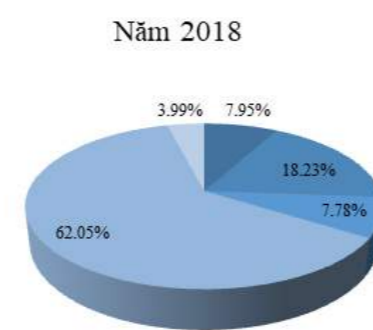
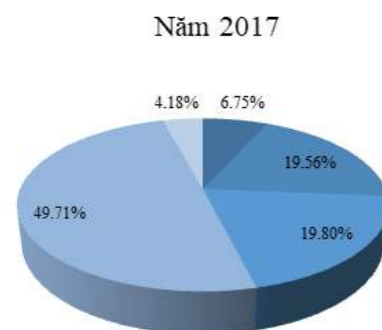


ĐVT: đồng

STT	Chi phí	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng, giảm 2018/2017
1	Chi phí nhiên liệu, vật liệu	18.411.976.883	26.823.604.347	45,69%
2	Chi phí nhân công	53.336.077.477	61.548.783.475	15,40%
3	Chi phí khấu hao và hao mòn	53.966.222.573	26.280.781.618	-51,30%
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài và thầu phụ	135.511.090.343	209.475.827.632	54,58%
5	Chi phí khác	11.387.527.504	13.474.495.450	18,33%
Tổng cộng		272.612.894.780	337.603.492.522	23,84%



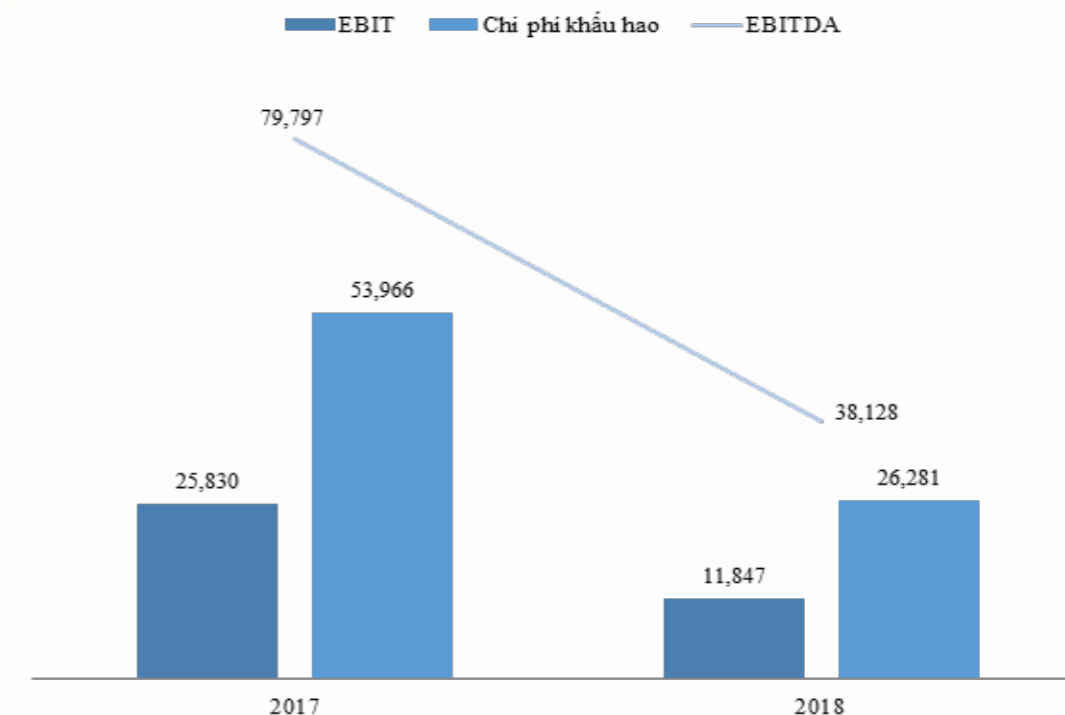
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018 tăng 23,84%, từ 272,61 tỷ đồng lên 337,60 tỷ đồng, với sự gia tăng của hầu hết các chi phí thành phần. Trong cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, chi phí dịch vụ mua ngoài và thầu phụ chiếm tỷ trọng cao nhất, năm 2018 chi phí này tăng 54,58%, từ 135,51 tỷ đồng lên 209,48 tỷ đồng làm tỷ trọng gia tăng từ 49,71% lên 62,05%, nguyên nhân chủ yếu là do Công ty hoạt động trong ngành vận tải siêu trường, siêu trọng nên thực hiện vận chuyển các loại hàng hóa kích thước lớn và tải trọng lớn bằng xe chuyên dụng theo quy định của pháp luật, cung cấp dịch vụ thực hiện qua nhiều khâu, thiết bị và máy móc cho từng cấu kiện khác nhau,...Tiếp đến là sự gia tăng 45,69% trong chi phí nhiên liệu, vật liệu do sự biến động gia tăng giá xăng dầu trong năm 2018; chi phí nhân công tăng 15,40% và chi phí khác tăng 18,33%. Bên cạnh sự gia tăng của các chi phí, chi phí khấu hao và hao mòn của Công ty trong năm 2018 giảm 51,30%, làm dịch chuyển tỷ trọng giảm từ 19,80% còn 7,78%. Năm 2018, Công ty có EBITDA là 38,13 tỷ đồng giảm 52,22% so với năm 2017, có thể thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018 biến động giảm tương đối lớn.



- Chi phí nhiên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao và hao mòn
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và thầu phụ
- Chi phí khác

- Chi phí nhiên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao và hao mòn
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và thầu phụ
- Chi phí khác

Hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm



TỔ CHỨC NHÂN SỰ



ÔNG ĐỖ HOÀNG PHƯƠNG - TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày sinh : 29/02/1976

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác

1999 – 2001	Làm việc tại cảng VICT
2001 – 2014	Làm việc tại CTCP Gemadept
20/08/2015 đến nay	Thành viên HĐQT CTCP Kho vận miền Nam
02/2016 đến nay	Phó Tổng Giám đốc CTCP Kho vận miền Nam
26/04/2016 – 01/05/2018	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc thường trực CTCP Vận tải đa phương thức Vietranstimex
01/05/2018 – đến nay	Tổng Giám đốc CTCP Vận tải đa phương thức Vietranstimex

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Kho vận miền Nam

Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Kho vận miền Nam

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 1.641.952 cổ phần, chiếm 7,83% vốn điều lệ tại thời điểm 29/03/2019

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 1.641.952 cổ phần, chiếm 7,83% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

ÔNG PHAN VĂN PHÚC - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày sinh : 30/07/1970

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ quản trị kinh doanh chuyên ngành Kế toán

Quá trình công tác

03/1993 – 03/1996	Nhân viên phòng Kế toán Tài vụ Công ty Vận tải đa phương thức
04/1996 – 01/1997	Kế toán trưởng Chi nhánh Hà Nội thuộc Công ty Vận tải đa phương thức
02/1997 – 06/1999	Nhân viên phòng Kế toán Tài vụ Công ty Vận tải đa phương thức
07/1999 – 02/2005	Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty Vận tải đa phương thức
03/2005 – 10/2010	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty Vận tải đa phương thức
11/2010 – 15/11/2012	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính Kế toán CTCP Vận tải đa phương thức
16/11/2012 – 24/03/2013	Phó Tổng Giám đốc - Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính Kế toán CTCP Vận tải đa phương thức
25/03/2013 đến nay	Phó Tổng Giám đốc CTCP Vận tải đa phương thức Vietranstimex
01/05/2018 đến nay	Giám đốc tài chính CTCP Vận tải đa phương thức Vietranstimex

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 22.051 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ tại thời điểm 29/03/2019

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 22.051 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



ÔNG HỒ XUÂN HÙNG - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày sinh : 15/06/1965
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác

1995 - 2010 Công ty Vận tải Đa phương thức. Cán bộ quản lý, điều hành. Phó giám đốc Công ty Vận tải Đa phương thức 9
2011 – 02/2017 Giám đốc CTCP Vận tải Liên hiệp Huy Hoàng
10/2017 – 10/2018 Phó Giám đốc điều hành CTCP IBS EC
11/2018 – Nay Phó Giám đốc CTCP Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ tại thời điểm 29/03/2019

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



BÀ VÕ THỊ MÙI - KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày sinh : 01/02/1979
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ kinh tế

Quá trình công tác

07/2001 - 10/2002 Kế toán viên và tổng hợp Công ty CPTM DV & Nhà đất Việt Thịnh
11/2002 - 02/2004 Kế toán ngân hàng và thuế CTCP Kho vận miền Nam
03/2004 - 01/2010 Kế toán tổng hợp CTCP Kho vận miền Nam
02/2010 - 09/2015 Trưởng phòng Kế toán Chi nhánh CTCP Kho vận miền Nam – Xí nghiệp Giao nhận Vận tải Quốc tế tiêu điểm
10/2015 - 31/08/2016 Chuyên viên kế toán CTCP Kho vận miền Nam
09/2016 - 31/12/2016 Phó phòng kế toán Chi nhánh Vietranstimex Miền Nam
01/01/2017 - 31/12/2018 Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán Chi nhánh Vietranstimex miền Nam
01/01/2019 - nay Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán CTCP Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 200 cổ phiếu

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BTGD trong năm

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Võ Duy Nghi	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực	01/05/2018	
2	Đỗ Hoàng Phương	Tổng Giám đốc	01/05/2018	
3	Bùi Thị Ngọc Hà	Kế toán trưởng	01/05/2018	
4	Hồ Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc	01/11/2018	
5	Bùi Thị Ngọc Hà	Kế toán trưởng		26/12/2018
6	Võ Thị Mùi	Kế toán trưởng	26/12/2018	

Số lượng công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	322	100,00%
1	Trên đại học	9	2,80%
2	Đại học	132	40,99%
3	Dưới đại học	181	56,21%
B	Theo độ tuổi	304	100,00%
1	Dưới 25 tuổi	6	1,97%
2	25 – 29 tuổi	43	14,14%
3	30 – 39 tuổi	138	45,39%
4	Trên 40 tuổi	117	38,49%
C	Theo giới tính	304	100,00%
1	Nam	260	85,53%
2	Nữ	44	14,47%

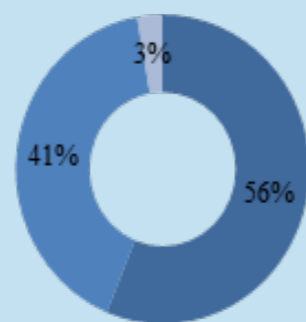


Số lượng công nhân viên (tiếp theo)

Công ty có tổng số lao động là 304 công nhân viên. Trong cơ cấu lao động theo trình độ học vấn, số lao động có trình độ dưới đại học là 181 người chiếm 56,21%, số lao động trình độ đại học là 132 người chiếm 40,99% và số người lao động trình độ trên đại học là 9 người chiếm 2,80%. Công ty hoạt động trong ngành vận tải siêu trường, siêu trọng nên cần lực lượng lao động có sức khỏe, có trình độ chuyên môn và có nghiệp vụ về vận tải, do đó Công ty số lao động phổ thông là chủ yếu. Bên cạnh đó Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ logistics nên cũng cần lao động có trình độ chuyên môn cao, để vận hành bộ máy quản lý Công ty và đảm bảo thực hiện tốt công tác sản xuất kinh doanh.

Theo trình độ học vấn

■ Dưới Đại học ■ Đại học ■ Trên Đại học



Theo độ tuổi

■ Dưới 25 tuổi ■ 25-29 tuổi ■ 30-39 tuổi ■ Trên 40 tuổi

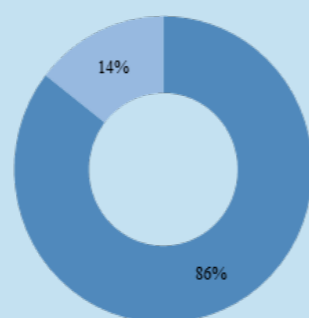


Công ty số lượng lao động có độ tuổi trung niên chiếm tỷ trọng cao, với độ tuổi từ 30 – 39 tuổi và trên 40 tuổi chiếm tỷ trọng lần lượt là 45,39% và 38,49%. Số lượng lao động có độ tuổi từ 25- 29 tuổi chiếm 14,14% và độ tuổi dưới 25 tuổi chiếm 1,97%. Công ty có nguồn lao động chủ yếu là lao động có độ tuổi trung niên và có thâm niên từ 3 năm trở lên, giúp đảm bảo lượng lao động lành nghề, gắn bó lâu dài với Công ty.

Trong cơ cấu lao động theo giới tính, chủ yếu là lao động nam với 260 lao động chiếm tỷ trọng 85,53%, còn lại là lao động nữ với 44 người chiếm 14,47%. Với đặc điểm ngành hoạt động của Công ty, lượng lao động nam chủ lực là điều dễ hiểu. Công ty hoạt động trong môi trường đòi hỏi nguồn lao động có trình độ nghiệp vụ chuyên môn cao, có sức khỏe để vận tải và bốc dỡ hàng hóa, di chuyển thường xuyên,... nên cần nhiều lao động nam để phục vụ nhu cầu hoạt động của Công ty.

Theo giới tính

■ Nam ■ Nữ



Chính sách nhân sự

Chính sách đào tạo: Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo nội bộ phối hợp với các tổ chức đào tạo bên ngoài, liên tục cho người lao động tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ nhằm nâng cao trình độ, sử dụng, làm chủ các phương tiện thiết bị hiện đại, nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn, góp phần nâng cao năng suất lao động.

Chính sách phúc lợi khác: Trong năm, Công ty đã tổ chức cho nhiều người lao động tham quan du lịch nước ngoài bằng nguồn kinh phí của Công ty, tạo một môi trường làm việc vui vẻ, thân thiện, nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động

Chính sách tiền lương, thưởng: Tháng 10/2017, Công ty đã điều chỉnh lại Hệ thống Thang bảng lương chi trả nhằm nâng cao tiền lương, thu nhập cho người lao động, trong đó đặc biệt là vai trò của cán bộ quản lý điều hành và công nhân sản xuất có tay nghề, chuyên môn cao. Qua đó, giúp công ty nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường lao động về nguồn nhân lực.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

- Thực hiện thành công các dự án năng lượng sạch tạo nền tảng kinh nghiệm phục vụ tiếp thị, đấu thầu các dự án tương tự tại Việt Nam và khu vực:
 - + 02 dự án điện gió (Trung Nam Windfarm và Tây Nguyên Windfarm)
 - + 04 dự án điện mặt trời (Mũi Né, BIM , BIM 3, Hàm Phú Solar Power)
- Tiếp cận được với tất cả các Nhà cung cấp thiết bị điện gió lớn trên thế giới như: GE, Vestas, Siemens Gamesa, Enercon, Gold Wind v.v...
- Tiếp thị và thực hiện thành công một số dự án Công trình Đường bộ: Cầu Hoàng Văn Thụ, Đường vành đai 3 v.v....



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: triệu đồng

	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng, giảm
Các khoản phải thu ngắn hạn	109.623	138.552	26,39%
Phải thu ngắn hạn khách hàng	112.173	137.322	22,42%
Trả trước cho người bán	4.832	3.871	-19,89%
Các khoản phải thu khác	8.169	13.665	67,28%
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(15.551)	(16.307)	4,86%
Khoản phải trả ngắn hạn	83.747	86.569	3,41%
Vay ngắn hạn	33.032	14.945	-54,76%
Phải trả người bán	27.385	50.327	83,78%
Người mua trả tiền trước	12.041	2.911	-75,82%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.528	3.525	131,12%
Phải trả người lao động	3.944	3.917	-0,27%
Chi phí phải trả	1.698	6.732	294,23%
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	35	9,6	-72,65%
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.934	2.116	11,84%
Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.151	2.087	-3,01%

Năm 2018, các khoản phải thu của Công ty đạt 138 tỷ đồng, tăng 26,39% so với năm 2017. Trong các khoản phải thu, khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đạt giá trị 137,32 tỷ đồng tăng 22,42% so với năm 2017, bao gồm phải thu bên liên quan: CTCP Kho vận Miền Nam (công ty mẹ), CTCP Sotrans Hà Tĩnh và các bên khác, đây là những khách hàng thường xuyên mà Công ty cung cấp dịch vụ cho thuê và dịch vụ vận chuyển. Khoản trả trước cho người bán giảm 19,89% so với năm 2017, Công ty đã thực hiện trả trước cho CTCP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam, CTCP Cevina, EPC Global Shipping Co., Ltd và Công ty TNHH Xây dựng Zen-D,... là những đối tác quan trọng đảm bảo công tác an toàn, cung cấp dịch vụ cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản phải thu khác tăng từ 8,17 tỷ đồng lên 13,67 tỷ đồng tương ứng tăng 67,28% so với cùng kỳ năm trước, do tăng khoản mục tạm ứng nhân viên, chi hộ và ký quỹ ký cược.

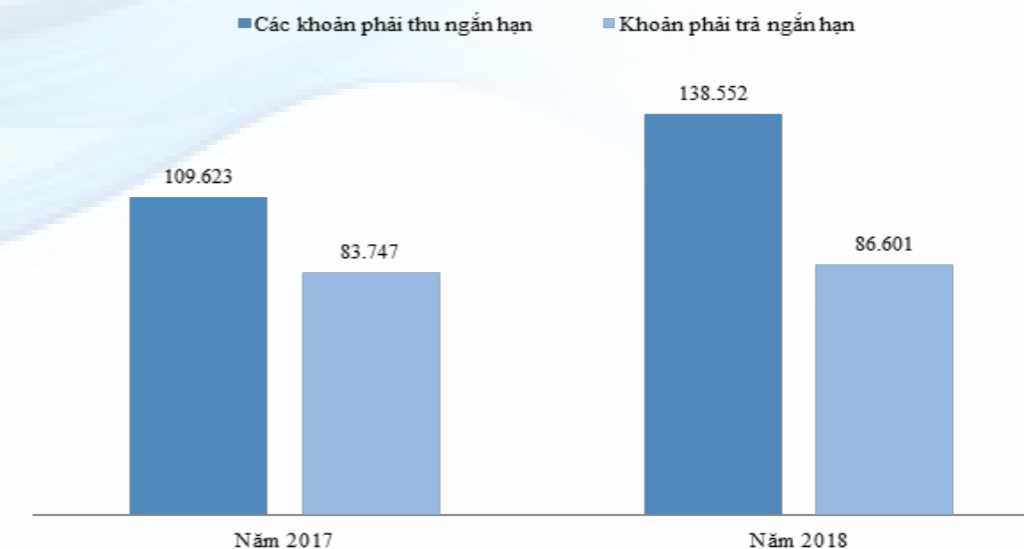


Tốc độ gia tăng các khoản phải thu trong năm của Công ty là 26,30% trong đó tỷ trọng lớn nhất là khoản phải thu khách hàng chiếm đến 99,11%, trong khi tốc độ gia tăng doanh thu là 22,49%, Công ty đang thực hiện chính sách nới lỏng bán hàng trong điều kiện thị trường cạnh tranh như hiện nay. Bên cạnh sự gia tăng đáng kể trong các khoản phải thu, các khoản phải trả của Công ty trong năm 2018 là 87,53 tỷ đồng tăng 3,85% so với cùng kỳ năm trước. Công ty có các khoản nợ phải trả ngắn hạn

gia tăng đáng kể là khoản phải trả người bán ngắn hạn tăng 83,78%, nguyên nhân gia tăng chủ yếu là do Công ty đã thực hiện chi trả tiền mua nhiên liệu, thuê văn phòng và dịch vụ vận chuyển, thuê mặt bằng cho Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam (công ty mẹ), Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam, Công ty Cổ phần Sotrans Hà Tĩnh và các bên khác, đây là những chi phí phải trả hằng năm của Công ty để vận hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thuế và các khoản

phải nộp Nhà nước tăng cao là do năm 2018, Công ty chịu khoản gia tăng trong thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành so với năm 2017. Chi phí phải trả ngắn hạn cũng tăng ở mức cao đáng kể, tăng từ 1,7 tỷ đồng lên 6,7 tỷ đồng tương ứng gia tăng 294,23%, nguyên nhân là do chi phí thầu phụ gia tăng trong quá trình thực hiện dự án

Các khoản phải thu và phải trả ngắn hạn



Bên cạnh sự gia tăng đáng kể các khoản phải trả kể trên, năm 2018, Công ty đã giảm nợ vay ngắn hạn từ 33 tỷ đồng xuống còn 14,9 tỷ đồng, giảm 54,76% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân là do Công ty đã chi trả hết nợ Ngân hàng TMCP Quân đội chi nhánh Đà Nẵng và một phần nợ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng. Đồng thời, trong năm khoản mục người mua trả tiền trước (bên mua là Công ty TNHH Strategic Marine và các bên khác) giảm 75,82% từ 12 tỷ đồng xuống còn 2 tỷ đồng. Những khoản giảm mạnh này làm nợ phải trả của Công ty không gia tăng đáng kể so với năm 2017, làm giảm bớt áp lực chi trả trong năm 2018 cho Công ty.

Bảng: Tình hình lưu chuyển tiền tệ

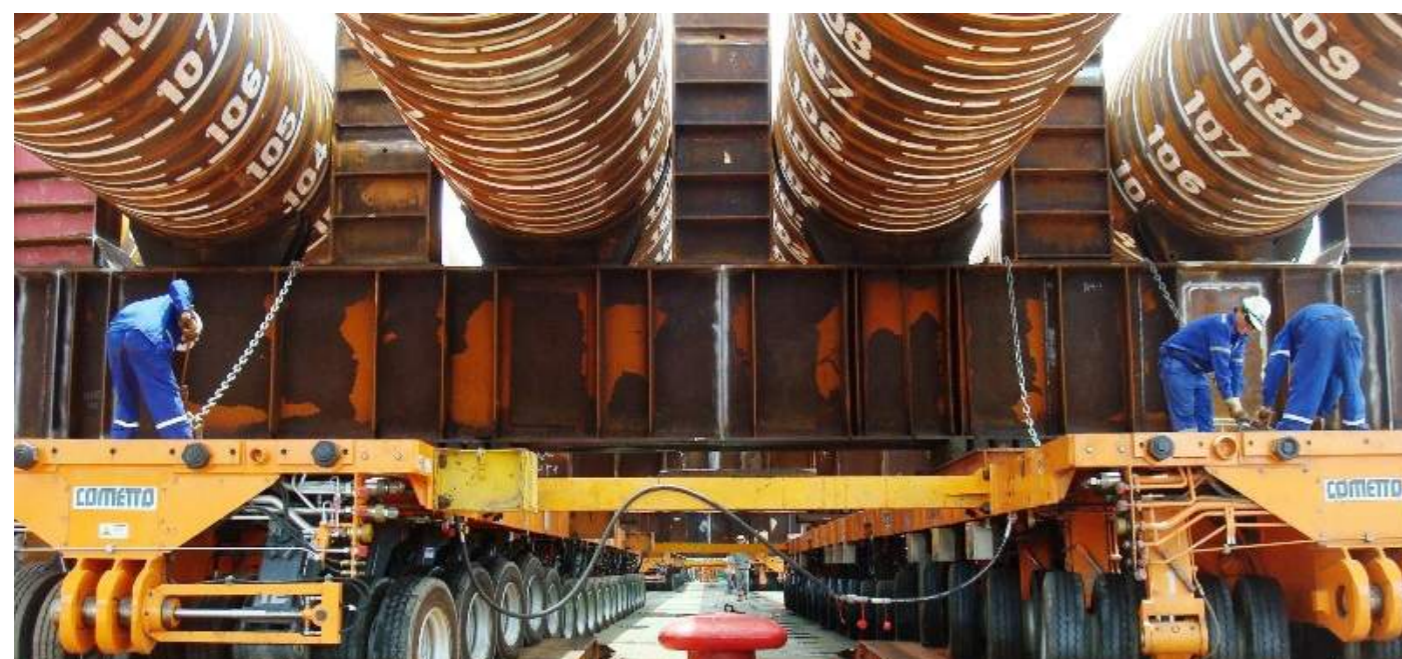
ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
1	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	34.312.464.359	21.157.266.745
2	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	- 46.367.059.374	22.333.655.813
3	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-14.048.421.680	-43.175.444.032
	Tổng	-26.103.016.695	315.478.526

Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của Công ty giảm đều kể từ năm 2015 cho đến nay nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đang gặp khó khăn trong những năm gần đây do quá trình tái cơ cấu. Năm 2018, chi phí khấu hao giảm chỉ còn 26,28 tỷ đồng trong khi năm 2017 dòng tiền cộng với khoản khấu hao lớn là 53,97 tỷ đồng; thêm vào đó năm 2018 có khoản điều chỉnh giảm khoản phải thu lớn đạt 28,64 tỷ đồng, do đó dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2018 chỉ

đạt 21,16 tỷ đồng, giảm 38,34% so với cùng kỳ. Từ năm 2015 đến năm 2017, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư của Công ty đều có giá trị âm, tuy nhiên đến năm 2018 dòng tiền từ hoạt động đầu tư có giá trị dương và đạt 22,33 tỷ đồng. Nguyên nhân mang lại dòng tiền đầu tư dương đó là trong năm 2018, Công ty đã giảm tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định, tạm dừng các hoạt động đầu tư để tái cấu trúc doanh nghiệp.

Trong năm 2018, Công ty đã trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội Chi nhánh Đà Nẵng và trả một phần nợ vay ngắn hạn cho Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Đà Nẵng nên làm giảm dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư tài chính và đạt giá trị -43,18 tỷ đồng.

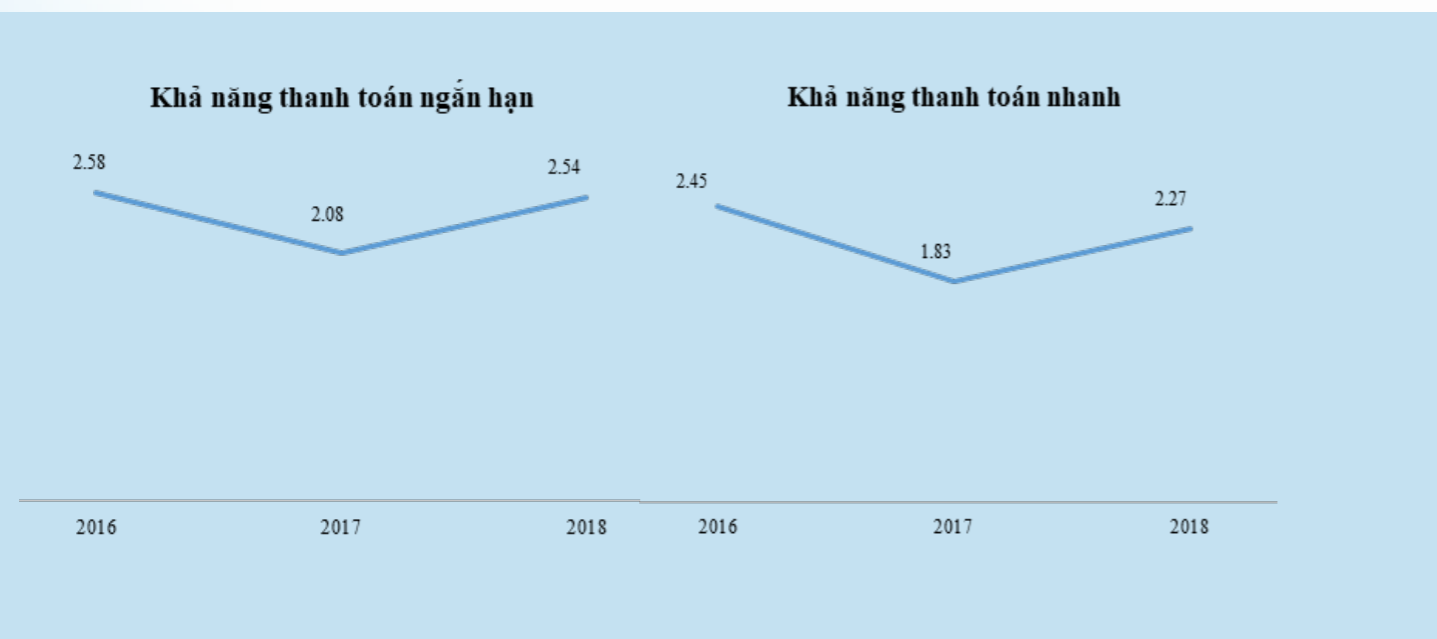


Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,08	2,54
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,83	2,27
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	24,41	26,64
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	32,29	36,31
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	16,08	13,80
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,81	1,02
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	6,28	1,77
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	6,56	2,43
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	5,06	1,81
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,55	2,75



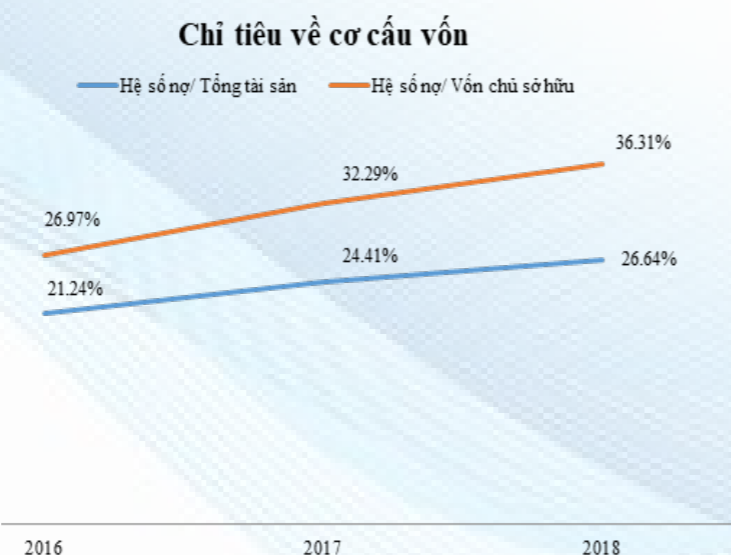
Về khả năng thanh toán

Năm 2018, Công ty đã cải thiện được các hệ số thanh toán. Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 2,08 lần lên 2,54 lần, hệ số thanh toán nhanh tăng từ 1,83 lần lên 2,27 lần, nguyên nhân giúp Công ty cải thiện hệ số thanh toán là do trong năm 2018, tài sản ngắn hạn gia tăng 26,31% so với năm 2017. Tuy nhiên, tài sản ngắn hạn gia tăng chủ yếu trong khoản phải thu ngắn hạn, vòng quay khoản phải thu ngắn hạn năm 2018 là 2,77 vòng tương ứng số ngày thu hồi vốn bình quân của Công ty là 130 ngày, do đó làm giảm khả năng thanh khoản của Công ty. Công ty thực hiện chính sách nới lỏng bán hàng nên vẫn gặp khó khăn trong chính sách thu hồi các khoản phải thu.



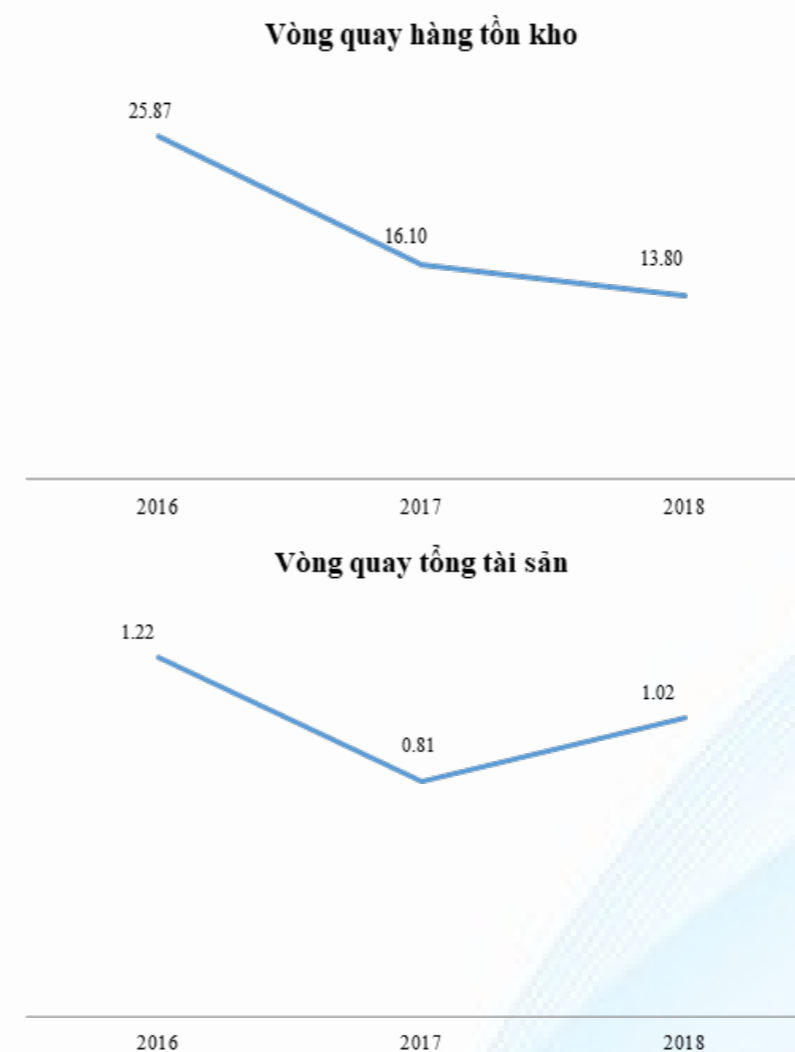
Về cơ cấu vốn

Cả hai hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản và Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu đều tăng lần lượt là 26,64% và 36,32% so với năm 2017. Nguyên nhân gia tăng là do nợ ngắn hạn và nợ dài hạn của Công ty trong năm 2018 đều gia tăng trong khi cả tổng tài sản và vốn chủ sở hữu đều có sự sụt giảm tương đối so với năm 2017. Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu năm 2018 là 36,32%, Công ty đang trong giai đoạn tái cơ cấu còn gặp nhiều khó khăn nên đang dần giảm thiểu nợ vay ngân hàng, gia tăng các khoản trả trước người bán và thay đổi trong chính sách mua hàng để phục vụ cho nhu cầu vốn lưu động.



Về năng lực hoạt động

Trong năm 2018, hệ số vòng quay hàng tồn kho của Công ty giảm từ 16,08 vòng xuống còn 13,8 vòng, do sự gia tăng 13,68% trong hàng tồn kho, điều này làm cho số ngày bình quân của vòng quay hàng tồn kho gia tăng, làm chậm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Năm 2018, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tăng từ 10 tỷ đồng lên 12,63 tỷ đồng, tương ứng tăng 26,29% so với năm 2017 thể hiện triển vọng thực hiện các dự án của Công ty. Hệ số vòng quay tổng tài sản có sự cải thiện tăng lên và đạt 1,02 vòng trong năm 2018, doanh thu thuần tăng lên đã góp phần cải thiện hệ số hiệu suất sử dụng tài sản của Công ty.

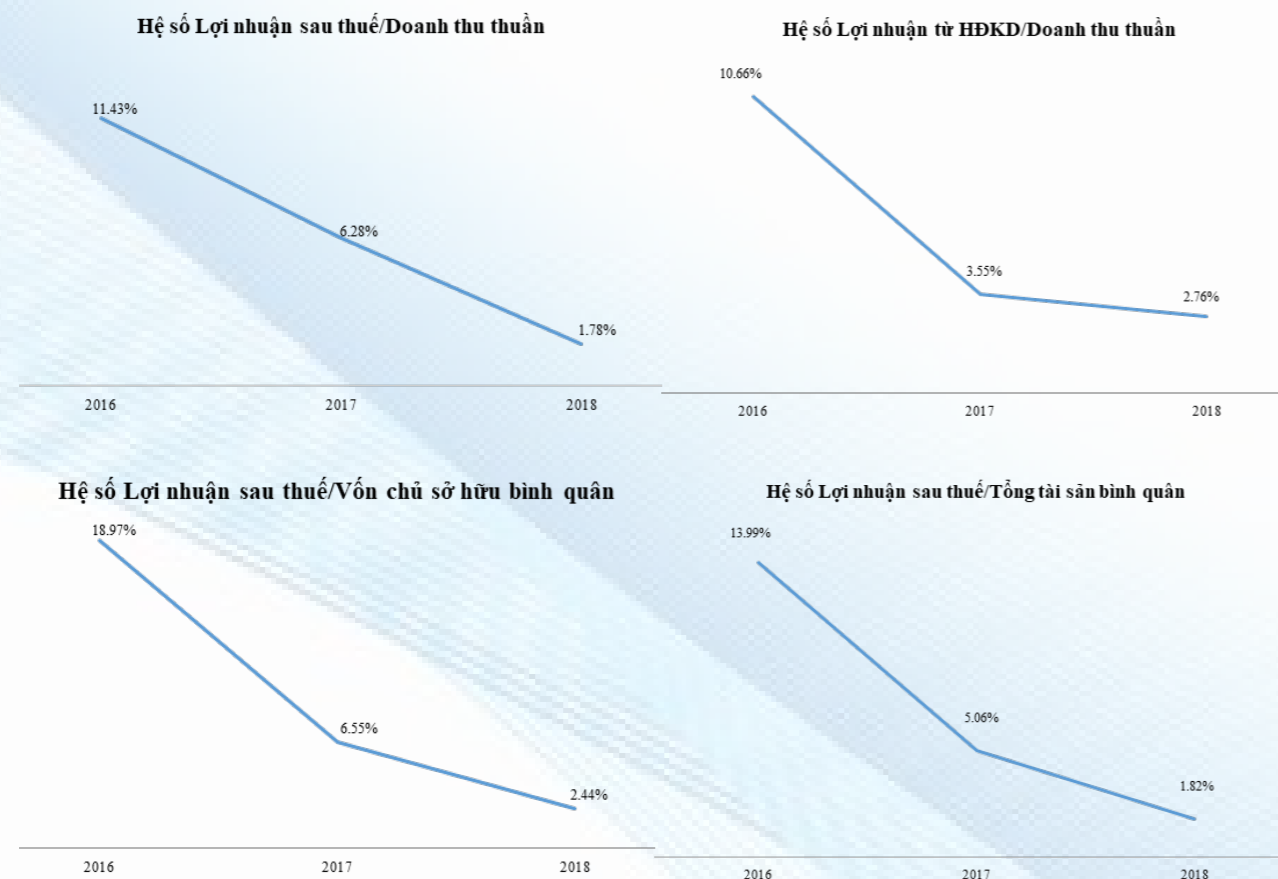


ĐVT: đồng

STT	Hàng tồn kho	Năm 2017	Năm 2018	% tăng, giảm 2018/2017
1	Hàng đang đi trên đường	373.395.209	205.319.039	-45,01%
2	Nhiên liệu, vật liệu	9.823.988.668	10.058.588.476	2,39%
3	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.001.346.793	12.631.083.925	26,29%
4	Khác	106.586.968	187.894.968	76,28%
Tổng cộng		20.305.317.638	23.082.886.408	13,68%

Về khả năng sinh lời

Do tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2018 chưa đạt kế hoạch đề ra, lợi nhuận sau thuế sụt giảm 65,48% so với năm 2017 nên các hệ số về khả năng sinh lợi đều sụt giảm đáng kể. Hệ số ROE đạt được là 2,43% giảm 4,13% so với năm 2017, hệ số ROA cũng giảm 3,25% chỉ còn 1,8% là một con số khá thấp so với trung bình ngành vận tải là 5%. Công ty đang trong quá trình tái cơ cấu, chuyển đổi hoạt động nên còn gặp nhiều khó khăn, trong tương lai gần sau khi tái cơ cấu hoạt động của Công ty sẽ dần đi vào ổn định, cải thiện tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.



TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 20.972.321 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 20.972.321 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 26/10/2018

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	-	-	-
II	Cổ đông nội bộ	2.198.002	21.980.020.000	10%
II	Cổ đông trong nước	18.774.309	187.743.309.000	90%
1	Cá nhân	1.059.165	10.591.650.000	5%
2	Tổ chức	17.715.144	177.151.440.000	84%
III	Cổ đông nước ngoài	10	-	-
1	Cá nhân	10	-	-
2	Tổ chức	-	-	-
Tổng cộng		20.972.321	209.723.210.000	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có
 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
 Các chứng khoán khác: Không có

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG CỘNG ĐỒNG

Công tác kiểm soát tác động và bảo vệ môi trường

Xử lý các loại chất thải phát sinh: Toàn bộ các khí thải phát sinh của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh từ nguồn phương tiện vận chuyển, các phương tiện vận chuyển của Công ty được Đăng kiểm định kỳ tại các cơ quan chức năng theo quy định và đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (theo tiêu chuẩn Euro 2). Nước thải và chất thải tại Công ty chỉ là chất thải sinh hoạt thông thường và được thu gom từ Công ty vệ sinh môi trường. Công ty đảm bảo có sẵn các nguồn lực cần thiết để thiết lập, thực hiện, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý môi trường. Các nguồn lực bao gồm: nguồn nhân lực và kỹ năng chuyên môn hoá, cơ sở hạ tầng, nguồn lực công nghệ và tài chính. Vai trò, trách nhiệm và quyền hạn cần được xác định, được lập thành văn bản và được thông báo nhằm tạo thuận lợi cho quản lý môi trường có hiệu lực. Báo cáo kết quả hoạt động của hệ thống quản lý môi trường cho ban lãnh đạo để xem xét, kể cả các khuyến nghị cho việc cải tiến.

Công ty đảm bảo mọi nhân viên thực hiện các công việc của Công ty hoặc trên danh nghĩa của Công ty (Nhà thầu phụ) có khả năng gây ra (các) tác động đáng kể lên môi trường mà Công ty xác định được đều phải có đủ năng lực trên cơ sở đào tạo hoặc kinh nghiệm thích hợp, và có duy trì các hồ sơ liên quan Công ty thiết lập, thực hiện và duy trì một thủ tục để giám sát và đo lường trên cơ sở các đặc trưng chủ chốt của các hoạt động của mình có thể có tác động đáng kể lên môi trường.

Đối với các khu vực xưởng sửa chữa và địa điểm kho bãi tại các khu công nghiệp đều được sử dụng nguồn nước thủy cục cung cấp và hệ thống nước thải tuân thủ các quy định pháp luật về: quy trình thiết kế hệ thống và xử lý thải của khu công nghiệp trên địa bàn quy định.

Thanh lý các phương tiện thiết bị cũ kỹ lạc hậu, có mức tiêu hao năng lượng cao bằng các phương tiện hiện đại và tiên tiến hơn đảm bảo: tiêu chuẩn khí thải quy định và mức tiêu thụ nhiên liệu, năng lượng điện ít hơn. (Theo báo cáo đầu tư và thanh lý 2017) Công ty tuân thủ chính sách môi trường của nhà nước nơi Công ty hoạt động, cam kết giảm thiểu các tác động môi trường do các hoạt động của Công ty với mục đích ngăn ngừa ô nhiễm, tuân thủ pháp luật, các yêu cầu khác và cố gắng nỗ lực cho các hoạt động cải thiện môi trường trong công ty và cho toàn cộng đồng.



Chính sách liên quan đến người lao động



Môi trường làm việc: Công ty thực hiện việc quan trắc môi trường làm việc định kỳ 01 năm/lần theo nghị định 44/2016/NĐ-CP. Công ty luôn cam kết tạo ra một môi trường làm việc an toàn, thân thiện với môi trường

Đơn vị quan trắc môi trường lao động: Phân viện BHLĐ và bảo vệ môi trường miền Trung.



Chính sách tiền lương, thưởng: Vietranstimex với định hướng luôn tôn trọng và đề cao vai trò nguồn lực con người và sự đóng góp của mỗi cá nhân, trong đó đặc biệt là vai trò của cán bộ quản lý điều hành và công nhân sản xuất có tay nghề, chuyên môn cao. Tháng 10/2017, Công ty đã điều chỉnh lại Hệ thống Thang bảng lương chi trả nhằm nâng cao tiền lương, thu nhập cho các đối tượng này. Qua đó, giúp công ty nâng cao cạnh tranh trên thị trường lao động về nguồn nhân lực.



Chính sách phúc lợi khác: Trong năm, Công ty đã tổ chức cho người lao động tham quan du lịch nước ngoài bằng nguồn kinh phí của công ty đến các nước. Tạo cho người lao động môi trường làm việc vui vẻ, thân thiện, nâng cao đời sống cho người lao động.



Chính sách đào tạo: Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo nội bộ, giúp người lao động sử dụng, làm chủ các phương tiện thiết bị hiện đại, nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn, góp phần nâng cao năng suất lao động; Công ty cũng phối hợp với các tổ chức đào tạo bên ngoài, liên tục cho người lao động tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ nhằm nâng cao trình độ, phục vụ tốt hơn trong công tác sản xuất kinh doanh.

Báo cáo trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm thực hiện tốt công tác xã hội, ủng hộ đóng góp cộng đồng địa phương: Phụng dưỡng Mẹ Việt Anh Hùng; Hỗ trợ sửa chữa nhà ở đối với người có công với cách mạng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Quý đền ơn đáp nghĩa; Ủng hộ quà tết cho người nghèo; Ủng hộ đồng bào miền Trung,...



BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Những thuận lợi khó khăn năm 2018

Thuận lợi

Về mặt vĩ mô

Năm 2018, với những yếu tố thuận lợi của nền kinh tế thế giới và nền kinh tế trong nước, Chính phủ ban hành những yếu tố, chính sách, giải pháp có tác động thuận lợi đến lĩnh vực ngành nghề vận tải và logistics bao gồm:

Định hướng đẩy mạnh khai thác nguồn vốn đầu tư nước ngoài của Chính phủ cũng như kết quả khá lạc quan về tăng trưởng kinh tế và thương mại toàn cầu năm 2018 tạo điều kiện để thúc đẩy gia tăng xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế đất nước;

Chính phủ ban hành chính sách, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ và phát triển kết cấu hạ tầng logistics, liên doanh với những doanh nghiệp nước ngoài uy tín nhằm thiết lập hệ thống dịch vụ logistics toàn cầu.

Khó khăn

- Nguồn tài nguyên cạn kiệt, sản xuất của ngành công nghiệp khai khoáng tiếp tục giảm và công nghiệp chế tạo khó có đột phá mới;
- Xu hướng bảo hộ và đưa sản xuất về trong nước của một số nước phát triển đang diễn ra sẽ ảnh hưởng đến xuất khẩu và dòng vốn đầu tư vào Việt Nam;
- Mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông chưa đáp ứng yêu cầu vận tải đa phương thức. Thủ tục cấp phép lưu hành đặc biệt của các cấp thẩm quyền vẫn còn chậm;
- Dịch vụ logistics, lắp đặt thiết bị được xác định là những hoạt động kinh doanh phụ trợ, tạo điều kiện ổn định cho kinh doanh vận tải và dịch vụ vận tải nhưng chưa có nguồn lực tài chính và con người để triển khai đầu tư, đồng thời chi phí logistics ở Việt Nam hiện nay tới hơn 20% GDP, là mức khá cao so với chi phí logistic trung bình trên thế giới là 10% đến 12% GDP;
- Cạnh tranh ngày càng gay gắt do có nhiều đối thủ cạnh tranh mới trong và ngoài nước xuất hiện trên thị trường;
- Các dự án lớn chậm hoặc gián tiến độ đầu tư.

Về mặt vi mô

Toàn công ty đã cơ bản thực hiện xong công tác tái cấu trúc, tạo tiền đề để tiếp tục rà soát, khắc phục những điểm bất cập, bất hợp lý nhằm hướng tới xây dựng một bộ máy tổ chức tinh gọn – hợp lý – chuyên nghiệp và hiệu quả, giảm gánh nặng về mặt chi phí nhằm tăng lợi nhuận và doanh thu cho Công ty.

Việc cơ cấu lại nguồn vốn đối với các tài sản không mang lại hiệu quả trong quá trình sản xuất theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã giảm căng thẳng về vốn tạo điều kiện tăng đầu tư phương tiện thiết bị để nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.

Vietranstimex vẫn là thương hiệu được nhiều khách hàng, đối tác lớn trong và ngoài nước đánh giá cao, tin tưởng cũng như mong muốn hợp tác để thực hiện các dự án vận tải hàng hóa thiết bị.

Công ty dời trụ sở chính, mở rộng địa bàn kinh doanh, thay đổi kế hoạch truyền thông và mở ra một hướng đi mới, cơ hội phát triển mới cho Vietranstimex.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018



Năm 2018, tổng doanh thu thuần Công ty đạt được là 344 tỷ đồng, đạt mức tăng trưởng 22,49% so với cùng kỳ năm 2017. Đây là một tín hiệu khả quan đối với Công ty sau khi thực hiện tái cấu trúc và vẫn đang trong quá trình hoàn thiện cơ cấu Công ty. Những tín hiệu tích cực của nền kinh tế trong thời gian sắp tới sẽ là những cơ hội mới đặt ra cho Công ty để tiếp tục phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty trong năm 2018 đạt được là 6,09 tỷ đồng, giảm 65,48% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu làm giảm hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty đến từ các dự án lớn bị chậm tiến độ trong năm 2018. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang cố gắng nỗ lực hoàn thiện bộ máy quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tăng cường đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại cho việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nhằm cải thiện sức cạnh tranh, uy tín và chất lượng hoạt động trong giai đoạn cuối thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2015 – 2020.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

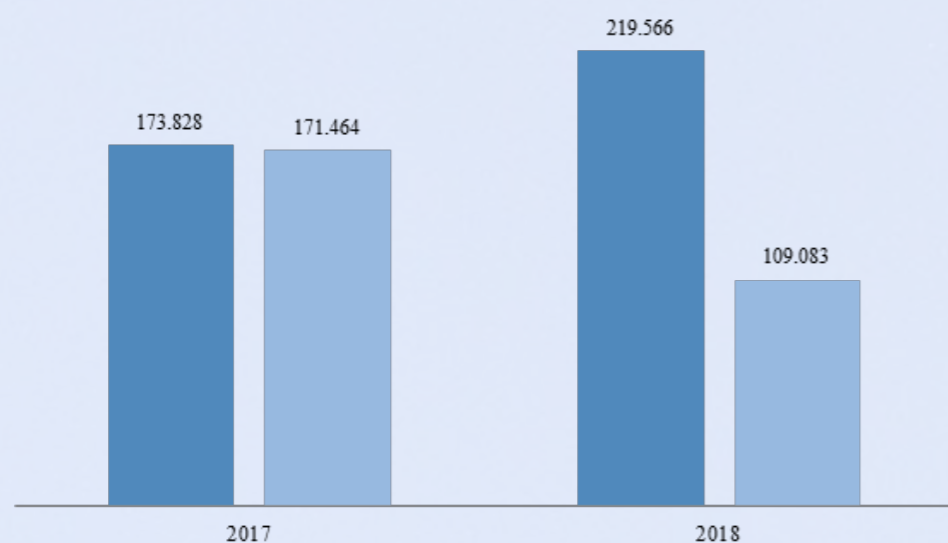
Tình hình tài sản

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	%2018/ 2017	Tỷ trọng năm 2017	Tỷ trọng năm 2018
Tài sản ngắn hạn	173.828	219.566	126,31%	50,34%	66,81%
Tài sản dài hạn	171.464	109.083	63,62%	49,66%	33,19%
Tổng tài sản	345.292	328.649	95,18%	100%	100%

Tình hình tài sản qua các năm

■ TÀI SẢN NGẮN HẠN ■ TÀI SẢN DÀI HẠN



Năm 2018, tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 đạt 328,58 tỷ đồng, giảm 4,84% so với năm 2017. Tài sản ngắn hạn của Công ty có sự gia tăng từ 173,83 tỷ đồng lên thành 219,50 tỷ đồng, tương ứng tăng 26,27% so với cùng kỳ năm trước do gia tăng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản tương đương tiền và phải thu ngắn hạn khách hàng. Tài sản dài hạn của Công ty sụt giảm 36,38% từ 171,46 tỷ đồng xuống 109,08 tỷ đồng, do giảm trong khoản mục tài sản cố định (đã thanh lý năm 2017) và Công ty có khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là 15 trái phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB có kỳ hạn gốc hai năm, hiện hưởng lãi suất 9,625%/năm và sẽ đáo hạn vào tháng 2 năm 2019 đã dẫn đến sự chuyển dịch tăng tỷ trọng tài sản ngắn hạn và giảm tỷ trọng tài sản dài hạn so với năm 2017. Thêm vào đó, trong năm 2018 Công ty đã sử dụng một số phương tiện vận tải và tài sản vô hình để thế chấp cho khoản vay ngân hàng, đây là nguyên nhân chính kéo theo sự sụt giảm trong tổng tài sản của Công ty.

ĐVT: đồng

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	30.828.936.494	13.512.746.471	43,83%
Máy móc thiết bị	32.682.466.921	821.278.070	2,51%
Phương tiện vận tải	487.076.699.200	71.090.633.781	14,60%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.178.423.596	109.935.313	9,33%
Cộng	551.766.526.211	85.534.593.635	15,50%
Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền sử dụng đất	10.678.204.185	10.678.204.185	100,00%
Phần mềm kế toán	1.946.115.073	358.496.786	18,42%
Cộng	12.624.319.258	11.036.700.971	87,42%

Tình hình nợ phải trả

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	TH2018/ TH 2017	Tỷ trọng năm 2017	Tỷ trọng năm 2018
Nợ ngắn hạn	83.747	86.601	103,41%	99,36%	98,90%
Nợ dài hạn	541	965	178,37%	0,64%	1,10%
Tổng nợ phải trả	84.288	87.566	103,89%	100%	100%

Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Vietranstimex có cơ cấu tổng nợ chủ yếu đến từ nợ ngắn hạn, tuy năm 2018 tỷ trọng nợ ngắn hạn có sự giảm nhẹ nhưng vẫn chiếm tỷ trọng đến 99% trong tổng nợ phải trả. Tổng nợ phải trả năm 2018 là 87,53 tỷ đồng tăng 3,85% so với năm 2017, nguyên nhân là do sự gia tăng trong cả nợ ngắn hạn và nợ dài hạn. Nợ ngắn hạn trong năm 2018 đã giảm được khoản vay ngắn hạn vì trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Quân đội chi nhánh Đà Nẵng, tuy nhiên lại gia tăng các khoản phải trả người bán, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, chi phí phải trả cho nên tổng nợ ngắn hạn của Công ty vẫn tăng ở mức 3,41%. Yếu tố tác động chủ yếu đến sự gia tăng của tổng nợ phải trả của Công ty đó là sự gia tăng 78,37% trong nợ dài hạn, sự gia tăng này là do Công ty trong năm 2018 đã gia tăng dự phòng tài sản dài hạn và tăng các khoản phải trả dài hạn khác.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2019

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Tỷ lệ tăng trưởng (%)
A	Kết quả SXKD			
I	Tổng doanh thu:	350.170	400.000	114,2%
1	Doanh thu cung cấp dịch vụ	343.965	393.130	114,3%
	- Dịch vụ vận tải	-	5.501	-
	- Vận tải ô tô	-	382.776	-
	- Vận tải thủy	-	3.000	-
	- Xếp dỡ và Khai thác kho bãi	-	1.853	-
2	Doanh thu tài chính	4.620	1.002	21,7%
3	Thu nhập khác	1.585	5.868	370,2%
II	Tổng chi phí	315.000	369.782	117,4%
1	Giá vốn dịch vụ cung cấp	299.393	334.034	-
	- Chi phí nhiên liệu	-	26.913	-
	- Chi phí vật tư kỹ thuật	-	19.054	-
	- Chi phí khấu hao	-	18.624	-
	- Chi phí tiền lương, BHXH, phụ cấp hiện trường KTT	-	31.190	-
	- CP DV mua ngoài và khác	-	238.253	59,6%
2	Chi phí quản lý	38.210	35.748	8,9%
	- Chi phí khấu hao	-	775	-
	- Chi phí tiền lương, BHXH quản lý và gián tiếp	-	22.284	-
	- Chi phí thuê đất	-	1.460	-
	- CP DV mua ngoài và khác	-	11.229	-
3	Chi phí tài chính	1.510	2.350	-
4	Chi phí khác	637	760	-
III	Lợi nhuận			
1	Lợi nhuận gộp về BH & CCDV	44.572	59.096	-
2	Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	9.472	22.000	-
3	Lợi nhuận khác	948	5.108	-
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.420	27.108	260,2%
5	Thuế TNDN	4.329	5.422	125,2%
6	Lợi nhuận sau thuế	6.091	21.686	356,0%
B	Kế hoạch sử dụng vốn vay			
1	Vay ngắn hạn	-	41.000	-
2	Vay dài hạn	-	-	-

PLANNING



- ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
- ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**BÁO CÁO
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điểm mạnh

- Là thương hiệu uy tín và có bề dày kinh nghiệm hơn 40 năm trên thị trường Việt Nam và khu vực, được nhiều khách hàng lớn quốc tế biết đến và tin nhiệm;
- Trang thiết bị, phương tiện đa dạng và hiện đại hơn rất nhiều so với các đối thủ cùng ngành và giá trị khấu hao tài sản còn ít;
- Đội ngũ cán bộ kỹ sư nhiều kinh nghiệm, được trang bị đào tạo chuyên môn sâu. Nguồn lực có sẵn tại chỗ nên giá thành sẽ rẻ hơn so với nước ngoài;
- Đáp ứng được đầy đủ quy định về tải trọng an toàn lưu thông đường bộ của Bộ GTVT;
- Có nguồn lực tài chính và cơ sở hạ tầng kho vận ngày càng mạnh mẽ nhờ sự hỗ trợ qua lại giữa các đơn vị thành viên trong Tập đoàn;
- Thị trường nội bộ trong Tập đoàn sẽ phát huy được năng suất khai thác của phương tiện;
- Có lực lượng khách hàng truyền thống và trung thành đã hợp tác làm ăn với Công ty trong thời gian dài.

Cơ hội

- Các hiệp định thương mại, hải quan giữa Việt Nam và các nước ngày càng nhiều và cởi mở, thị trường mở rộng, nguồn vốn đầu tư dịch chuyển từ các nước khu vực Châu Âu – Châu Á, khu vực khác sang Việt Nam để tận dụng nguồn nhân công giá rẻ;
- Những dấu hiệu khởi sắc tích cực và triển vọng của nền kinh tế Việt Nam giai đoạn 2019-2020: Các dự án điện mặt trời, điện gió được đầu tư ồ ạt và một số dự án lớn như nhiệt điện Nghi Sơn 2, Lọc hoá dầu Long Sơn dự kiến sẽ được triển khai trong năm 2019;
- Là một đơn vị thành viên trong Sotrans group sẽ tạo cơ hội tận dụng được các điểm mạnh của nhau cùng nắm bắt cơ hội sử dụng dịch vụ của nhau và phát triển.

SWOT

Điểm yếu

- Chi phí thực hiện vẫn còn cao so với các đối thủ cùng ngành đặc biệt là các dự án nhỏ và hàng hóa trọng lượng dưới 150 tấn;
- Chưa phát huy tính chủ động, tiết kiệm trong sản xuất;
- Công nghệ và tiềm lực tài chính còn yếu so với các đối thủ nước ngoài;
- Là doanh nghiệp chưa có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực lắp đặt, là hướng đi mới trong định hướng năm 2019.

Thách thức

- Thách thức đến từ các đối thủ cạnh tranh đến từ nước ngoài (ALE, Sarens, KCTC, Dong Bang...);
- Phân khúc hàng siêu trường siêu trọng nhỏ hơn 150 tấn ngày càng có nhiều đối thủ cạnh tranh;
- Thị trường năm 2019 sẽ không có nhiều dự án đòi hỏi tính chất kỹ thuật cao để Công ty phát huy thế mạnh của mình so với các đối thủ cạnh tranh. Năm 2019 là năm sẽ phát triển các phân khúc hàng nặng dưới 150 tấn và nhu cầu lắp đặt tăng cao : không phải thế mạnh của Công ty;
- Nhiều khách hàng đã chủ động đầu tư nhiều phương tiện thiết bị hiện đại hoạt động trong lĩnh vực vận chuyển hàng siêu trường siêu trọng để phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình;
- Các chính sách Pháp luật mới, các Hiệp định thương mại ngày càng cởi mở và thuận lợi cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào thị trường Việt Nam;
- Sự phát triển mạnh mẽ và nhanh chóng của công nghệ và kỹ thuật cao gây khó khăn cho đơn vị trong việc cập nhật, đổi mới thường xuyên để theo kịp các đối thủ cạnh tranh.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 thực hiện

ĐVT: triệu đồng

Diễn giải	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch Năm 2018	So sánh	
				% tăng/giảm 2018/2017	% tăng/giảm TH 2018/KH 2018
Tổng doanh thu	299.399	350.170	350.000	16,96%	100,05%
Lợi nhuận trước thuế	24.700	10.419	35.000	-57,82%	-70,23%
Lợi nhuận sau thuế	17.644	6.090	-	-65,48%	-

Năm 2018, tổng doanh thu của Công ty đạt 350,17 tỷ đồng, đạt chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Tuy nhiên, với nhiều khó khăn khách quan từ thị trường vận tải hàng siêu trường siêu trọng, một số công trình lớn dự kiến thực hiện trong năm 2018 chậm tiến độ và Công ty vẫn đang thực hiện trích khấu hao nhanh cho các phương tiện vận tải, máy móc thiết bị đầu tư từ năm 2015 trở về trước là những nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận của Công ty sụt giảm đáng kể. Lợi nhuận trước thuế trong năm đạt 10,42 tỷ đồng, tương ứng đạt 29,77% so với kế hoạch theo Nghị quyết, kéo theo lợi nhuận sau thuế giảm còn 6,09 tỷ đồng, giảm 65,48% so với năm 2017. Hội đồng quản trị Công ty đã kịp thời cùng với Ban Điều hành đánh giá nguyên nhân, giải trình về biến động trên 10% của chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 do với cùng kỳ năm trước và rút ra bài học kinh nghiệm, xây dựng các giải pháp thiết thực phù hợp với sự phát triển của Công ty cho các năm tiếp theo.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ kịp thời công tác giám sát, định hướng thông qua báo cáo và trao đổi công việc với Ban điều hành. Ban Tổng giám đốc thường xuyên trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị để xử lý kịp thời và hiệu quả các vấn đề phát sinh phục vụ yêu cầu quản lý và phát triển sản xuất của Công ty.

Hội đồng quản trị cũng với Ban điều hành đã nghiêm túc đánh giá lại toàn bộ quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2018, kết quả lợi nhuận trong năm chưa hoàn thiện kế hoạch đề ra theo Nghị quyết, mặc dù Ban điều hành đã nỗ lực rất nhiều để giữ vững thị phần của Công ty trên thị trường vận tải có nhiều biến động trong năm qua, song vẫn còn các nguyên nhân chủ quan nội tại từ Công ty, yêu cầu Ban điều hành có các biện pháp quyết liệt hơn trong tổ chức điều hành hoạt động Công ty, để nâng cao hiệu quả kinh doanh trong năm 2019, nhằm đáp ứng nhiệm vụ của Công ty trong năm tiếp theo.

CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Các KPI phần đầu thực hiện

- Áp dụng CNTT trong việc quản lý công việc đạt mức 70%;
- Xây dựng phần mềm quản lý xe, quản lý Công cụ dụng cụ, thiết bị, kho. Dự kiến hoàn thành vào quý 2 và áp dụng vào đầu quý 3 năm 2019;
- Đạt kế hoạch doanh thu lợi nhuận do HĐQT giao;
- Xây dựng hình ảnh công ty và hoàn chỉnh bộ nhận dạng thương hiệu;
- Bảo đảm an toàn tuyệt đối cho hàng hóa 100%. Không để xảy ra bất cứ sự vụ nào;
- Xây dựng hoàn chỉnh bộ quy chế, quy trình thực hiện một cách hiện đại, khoa học trong quý 1 năm 2019;
- Rà soát lại các bộ định mức, quy chế chi tiêu nội bộ, Tổ chức giao khoán một số phần việc để sát với thực tế. Tăng cường kiểm soát chi phí của khối gián tiếp;
- Đẩy mạnh và cơ cấu lại đội hình Kinh doanh và Marketing tinh nhuệ có chiều sâu, có mục tiêu dài hạn;
- Tiết giảm chi phí tài chính: quản lý và sử dụng hiệu quả vốn lưu động, tiền mặt, tiền gửi, nợ phải thu, hàng tồn kho để đẩy nhanh vòng quay vốn;
- Xây dựng hệ thống thầu phụ có uy tín, giá cả phải chăng, chất lượng;
- Kiểm soát chi phí ngay từ khi bắt đầu lập dự trù;
- Xây dựng mô hình quản trị 5S;
- Hợp lý hóa điều hành sản xuất bằng phương án thực hiện.

Đề xuất

Đề xuất thay đổi mô hình tổ chức mới của Công ty theo hướng sau:

- Thay đổi mô hình tổ chức sản xuất và quản lý tập trung thông qua việc chuyển các chi nhánh từ hạch toán tự trang trải sang hạch toán báo sổ;
- Chuyển trụ sở chính công ty từ Đà Nẵng vào Tp Hồ Chí Minh: Trên cơ sở nâng cấp Chi nhánh Vietranstimex miền Nam;
- Thành lập Phòng Vận tải thuộc công ty để điều hành các phương tiện vận chuyển hàng thường của công ty;
- Chấm dứt hoạt động Chi nhánh Vietranstimex miền Nam;
- Thành lập mới Chi nhánh Vietranstimex miền Trung
 - + Sơ đồ tổ chức Chi nhánh miền Trung: Tương tự Chi nhánh miền Bắc;
 - + Đối với chi nhánh Quảng Ngãi: Giao lãnh đạo Chi nhánh miền Trung kiêm;
- Đề nghị tập đoàn tạo điều kiện để Công ty có thể tiếp cận, chào giá vận chuyển cho các công ty thành viên trong hệ thống tập đoàn.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM TOÁN
- BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC
VIETRANSTIMEX**

Lầu 9, Tòa nhà B&L Tower, 119-121 Ung Văn Khiêm, P.25,
Q.Bình Thạnh, Tp.HCM

Tel : 0283 826 3621 Fax : 0283 826 3621

www.vietranstimex.com.vn sales@vietranstimex.com.vn

Số : 088 /2019/CV-HCNS

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Công ty **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX**
2. Mã chứng khoán **VTX**
3. Trụ sở chính **Lầu 9, Tòa nhà B&L Tower, 119-121 Ung Văn Khiêm, P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM.**
4. Điện thoại **0283 826 3621 Fax: 0283 826 3622**
5. Người công bố thông tin **Ông Đỗ Hoàng Phương, Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật.**
6. Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ Yêu cầu
 Bất thường Định kỳ
7. Nội dung thông tin công bố **1/ BCTC tổng hợp năm 2018 đã được kiểm toán.
2/ Công văn giải trình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, tổng tài sản tại BCTC năm 2018.**
(Nội dung công bố gửi kèm công bố thông tin này)

8. Địa chỉ website của công ty www.vietranstimex.com.vn
đăng tải công bố thông tin

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

TP.HCM, ngày 09 tháng 03 năm 2019

Người thực hiện công bố thông tin *[Signature]*



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đỗ Hoàng Phương

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu HCNS;
- Website Công ty

BM-01-014

**Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức
Vietranstimex**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 30

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 1313/QĐ-TC do Bộ Giao thông Vận tải ("BGTVT") ban hành ngày 27 tháng 3 năm 1976. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Doanh nghiệp Nhà Nước đầu tiên của Công ty số 3206000035 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 5 tháng 5 năm 2004.

Vào ngày 28 tháng 5 năm 2010, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1454/QĐ-BGTVT do BGTVT ban hành. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng thông qua bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0400101901 vào ngày 1 tháng 11 năm 2010 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức trong nước; dịch vụ vận tải hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy; cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 80-82 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Vào ngày 11 tháng 1 năm 2019, Công ty đã đăng ký thay đổi trụ sở chính tại Lầu 9 tòa nhà B&L Tower, Số 119 - 121 Đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và các chi nhánh tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng và Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Bá Thọ	Chủ tịch
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên
Ông Võ Duy Nghi	Thành viên
Ông Đỗ Hoàng Phương	Thành viên
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Tường Minh	Trưởng ban
Ông Ông Văn Khương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Hoàng Phương	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2018
Ông Võ Duy Nghi	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 30 tháng 4 năm 2018
Ông Hồ Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2018
Ông Phan Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 30 tháng 4 năm 2018
Ông Ngô Tứ	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 30 tháng 4 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Hoàng Phương	Tổng Giám đốc	từ ngày 1 tháng 5 năm 2018
Ông Võ Duy Nghi	Tổng Giám đốc	đến ngày 30 tháng 4 năm 2018

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

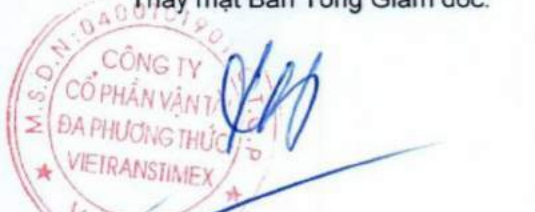
Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:


Đỗ Hoàng Phương
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2019



Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61345701-20242673

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex ("Công ty") được lập ngày 1 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 30, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhất Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN Kiểm toán
Số: 1772-2018-004-1



Dương Thị Nữ
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN Kiểm toán
Số: 3796-2016-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		219.496.494.193	173.828.457.613
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	42.021.844.263	41.714.693.275
111	1. Tiền		12.021.844.263	29.714.693.275
112	2. Các khoản tương đương tiền		30.000.000.000	12.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	15.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		15.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		138.551.610.796	109.622.898.028
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	137.322.396.825	112.172.725.848
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	3.870.971.658	4.831.909.919
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	13.665.368.767	8.169.361.377
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 8	(16.307.126.454)	(15.551.099.116)
140	IV. Hàng tồn kho	9	23.082.886.408	20.305.317.638
141	1. Hàng tồn kho		23.082.886.408	20.305.317.638
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		840.152.726	2.185.548.672
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	798.923.646	807.720.522
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	41.229.080	1.047.692.790
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	17	-	330.135.360
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		109.082.978.397	171.463.525.577
210	I. Phải thu dài hạn	8	472.377.170	223.747.370
216	1. Phải thu dài hạn khác		472.377.170	223.747.370
220	II. Tài sản cố định		96.571.294.606	120.026.876.770
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	85.534.593.635	107.084.464.169
222	Nguyên giá		551.766.526.211	552.370.246.258
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(466.231.932.576)	(445.285.782.089)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	11.036.700.971	12.942.412.601
228	Nguyên giá		12.624.319.258	14.382.148.304
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.587.618.287)	(1.439.735.703)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	12	5.478.105.441	2.782.498.168
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		5.478.105.441	2.782.498.168
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	816.000.000	41.956.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		816.000.000	816.000.000
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	41.140.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		5.745.201.180	6.474.403.269
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	5.745.201.180	6.474.403.269
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		328.579.472.590	345.291.983.190

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		87.534.380.085	84.288.108.341
310	I. Nợ ngắn hạn		86.569.380.085	83.747.108.341
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	50.327.134.167	27.384.558.329
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	2.911.335.263	12.040.686.482
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	3.525.082.874	1.528.197.455
314	4. Phải trả người lao động		3.916.693.756	3.943.639.599
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	6.731.839.015	1.698.157.613
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		9.600.000	35.094.545
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	2.116.207.926	1.933.500.818
320	8. Vay ngắn hạn	20	14.944.949.669	33.032.054.181
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.086.537.415	2.151.219.319
330	II. Nợ dài hạn		965.000.000	541.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	365.000.000	241.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		600.000.000	300.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		241.045.092.505	261.003.874.849
410	I. Vốn chủ sở hữu	21.1	241.045.092.505	261.003.874.849
411	1. Vốn cổ phần		209.723.210.000	209.723.210.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		209.723.210.000	209.723.210.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.257.068.213	15.257.068.213
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		5.352.597.635	5.352.597.635
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10.712.216.657	30.670.999.001
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		4.622.004.107	13.026.805.119
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		6.090.212.550	17.644.193.882
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		328.579.472.590	345.291.983.190

Hoàng Thị Thanh Huyền
Người lập

Võ Thị Mùi
Kế toán trưởng

Đỗ Hoàng Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 1 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	343.965.004.436	280.821.283.970
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(299.393.348.886)	(240.472.973.479)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		44.571.655.550	40.348.310.491
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	4.619.851.974	3.007.665.170
22	5. Chi phí tài chính	24	(1.509.550.158)	(1.260.473.639)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.427.871.104)	(1.130.338.984)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(38.210.143.636)	(32.139.921.301)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.471.813.730	9.955.580.721
31	8. Thu nhập khác	27	1.585.055.277	15.569.927.968
32	9. Chi phí khác	27	(637.475.936)	(825.350.746)
40	10. Lợi nhuận khác	27	947.579.341	14.744.577.222
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.419.393.071	24.700.157.943
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(4.329.180.521)	(7.055.964.061)
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		6.090.212.550	17.644.193.882
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	290	799
71	15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	30	290	799

Hoàng Thị Thanh Huyền
Người lập

Võ Thị Mùi
Kế toán trưởng

Đỗ Hoàng Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 1 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.419.393.071	24.700.157.943
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	26.280.781.618	53.966.222.573
03	Các khoản dự phòng		756.027.338	(1.609.557.044)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		46.079.899	20.672.429
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(4.697.950.244)	(17.845.047.791)
06	Chi phí lãi vay	24	1.427.871.104	1.130.338.984
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		34.232.202.786	60.362.787.094
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(28.637.699.819)	2.777.703.961
10	Tăng hàng tồn kho		(2.777.568.770)	(10.220.677.515)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		21.871.160.737	(429.999.469)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		737.998.965	(2.490.569.183)
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.441.131.257)	(1.115.434.692)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.880.804.299)	(12.710.685.837)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(946.891.598)	(1.860.660.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		21.157.266.745	34.312.464.359
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(12.469.601.953)	(24.878.264.482)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		5.280.120.822	17.052.973.739
23	Tiền chi cho vay và mua trái phiếu		-	(88.140.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		25.000.000.000	47.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức		4.523.136.944	2.598.231.369
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		22.333.655.813	(46.367.059.374)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		170.766.043.408	157.832.712.172
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(188.853.147.920)	(140.572.664.097)
36	Cổ tức đã trả	21.3	(25.088.339.520)	(31.308.469.755)
40	Lưu chuyển tiền sử dụng vào hoạt động tài chính		(43.175.444.032)	(14.048.421.680)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		315.478.526	(26.103.016.695)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		41.714.693.275	67.814.830.185
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(8.327.538)	2.879.785
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	42.021.844.263	41.714.693.275


 Hoàng Thị Thanh Huyền
 Người lập


 Võ Thị Mùi
 Kế toán trưởng


 Đỗ Hoàng Phương
 Tổng Giám đốc



Ngày 1 tháng 3 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 1313/QĐ-TC do Bộ Giao thông Vận tải ("BGTVT") ban hành ngày 27 tháng 3 năm 1976. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh Doanh nghiệp Nhà Nước đầu tiên của Công ty số 3206000035 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 5 tháng 5 năm 2004.

Vào ngày 28 tháng 5 năm 2010, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1454/QĐ-BGTVT do BGTVT ban hành. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng thông qua bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0400101901 vào ngày 1 tháng 11 năm 2010 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức trong nước; dịch vụ vận tải hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy; cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 80-82 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Vào ngày 11 tháng 1 năm 2019 Công ty đã đăng ký thay đổi trụ sở chính tại Lầu 9 tòa nhà B&L Tower, Số 119 - 121 Đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và các chi nhánh tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng và Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 297 (31 tháng 12 năm 2017: 355).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên liệu, nhiên liệu và công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - chi phí dịch vụ mua ngoài và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu trừ theo thời hạn của quyền sử dụng đất, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được khấu trừ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải	4 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng, lắp đặt và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được ghi nhận như chi phí trong năm khi phát sinh.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Dự phòng chung

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải và hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là cung cấp các dịch vụ vận tải và khu vực địa lý là Việt Nam. Theo đó, Công ty không phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	197.093.000	243.503.000
Tiền gửi ngân hàng	11.824.751.263	29.471.190.275
Các khoản tương đương tiền (*)	30.000.000.000	12.000.000.000
TỔNG CỘNG	42.021.844.263	41.714.693.275

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc dưới ba tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất thị trường.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện giá trị của mười lăm (15) trái phiếu của Công ty cổ phần chứng khoán IB, có kỳ hạn gốc hai (2) năm, hiện hưởng lãi suất 9,625%/năm và sẽ đáo hạn vào tháng 2 năm 2019.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 29)	1.039.161.139	7.624.751.891
Bên khác	136.283.235.686	104.547.973.957
Cosco Logistics Kunming Co., Ltd	22.912.196.439	25.513.826.633
Khác	113.371.039.247	79.034.147.324
TỔNG CỘNG	137.322.396.825	112.172.725.848
Dự phòng phải thu khó đòi	(14.876.880.394)	(14.117.605.556)
GIÁ TRỊ THUẬN	122.445.516.431	98.055.120.292

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Trục vót Cứu hộ Việt Nam	1.080.000.000	-
Công ty Cổ phần Cevina	715.000.000	-
EPC Global Shipping Co., Ltd	603.515.772	-
Công ty TNHH Xây dựng Zen-D	487.800.000	-
Khác	984.655.886	4.831.909.919
TỔNG CỘNG	3.870.971.658	4.831.909.919

8. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	13.665.368.767	8.169.361.377
Tạm ứng nhân viên	7.764.797.083	4.982.705.371
Chi hộ	5.006.816.556	1.864.224.543
Lãi dự thu	568.763.078	423.801.283
Ký quỹ, ký cược	104.467.850	295.600.000
Khác	220.524.200	603.030.180
Dài hạn	472.377.170	223.747.370
Ký quỹ, ký cược	472.377.170	223.747.370
TỔNG CỘNG	14.137.745.937	8.393.108.747
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.430.246.060)	(1.433.493.560)
GIÁ TRỊ THUẬN	12.707.499.877	6.959.615.187

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng đang đi trên đường	205.319.039	373.395.209
Nhiên liệu, vật liệu	10.058.588.476	9.823.988.668
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.631.083.925	10.001.346.793
Khác	187.894.968	106.586.968
TỔNG CỘNG	23.082.886.408	20.305.317.638

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					VND
Số đầu năm	32.315.609.380	32.682.466.921	486.177.383.672	1.194.786.285	552.370.246.258
Tăng trong năm	186.639.589	-	6.678.829.182	70.000.000	6.935.468.771
Thanh lý	(1.673.312.475)	-	(5.779.513.654)	(86.362.689)	(7.539.188.818)
Số cuối năm	30.828.936.494	32.682.466.921	487.076.699.200	1.178.423.596	551.766.526.211
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	415.941.455	31.183.952.322	380.138.572.965	970.363.596	412.708.830.338
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	(15.454.714.901)	(30.658.704.338)	(398.069.365.211)	(1.102.997.639)	(445.285.782.089)
Khấu hao trong năm	(2.211.284.329)	(1.202.484.513)	(22.667.276.859)	(51.853.333)	(26.132.899.034)
Thanh lý	349.809.207	-	4.750.576.651	86.362.689	5.186.748.547
Số cuối năm	(17.316.190.023)	(31.861.188.851)	(415.986.065.419)	(1.068.488.283)	(466.231.932.576)
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	16.860.894.479	2.023.762.583	88.108.018.461	91.788.646	107.084.464.169
Số cuối năm	13.512.746.471	821.278.070	71.090.633.781	109.935.313	85.534.593.635

Công ty đã sử dụng một số phương tiện vận tải với nguyên giá là 137.933.753.931 VND làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			VND
Số đầu năm	12.436.033.231	1.946.115.073	14.382.148.304
Thanh lý	(1.757.829.046)	-	(1.757.829.046)
Số cuối năm	10.678.204.185	1.946.115.073	12.624.319.258
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	1.396.847.073	1.396.847.073
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	-	(1.439.735.703)	(1.439.735.703)
Hao mòn trong năm	-	(147.882.584)	(147.882.584)
Số cuối năm	-	(1.587.618.287)	(1.587.618.287)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	12.436.033.231	506.379.370	12.942.412.601
Số cuối năm	10.678.204.185	358.496.786	11.036.700.971

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 7.552.136.460 VND làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngân hàng. Chi tiết của khoản vay này được thể hiện tại *Thuyết minh số 20*.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm máy móc thiết bị và phương tiện vận tải đang được lắp đặt.

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh	816.000.000	-	816.000.000	-
Trái phiếu	-	-	41.140.000.000	-
TỔNG CỘNG	816.000.000	-	41.956.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào công ty liên doanh

Tên công ty liên doanh	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
		%	VND	%	VND
Công ty TNHH Liên doanh BNX-Vietranstimex (i)	Vận tải	51	816.000.000	51	816.000.000

(i) Công ty TNHH Liên doanh BNX-Vietranstimex ("BNX-Vietranstimex") đã ngừng hoạt động theo biên bản thỏa thuận số VTT-BNX/2011-001 ngày 4 tháng 4 năm 2011. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, BNX-Vietranstimex đang tiến hành các thủ tục nhằm giải thể.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	798.923.646	807.720.522
Chi phí sửa chữa	310.580.799	18.835.333
Phí sử dụng đường bộ	156.785.516	252.348.098
Công cụ dụng cụ	143.933.869	43.364.515
Chi phí bảo hiểm	15.337.648	179.795.892
Khác	172.285.814	313.376.684
Dài hạn	5.745.201.180	6.474.403.269
Chi phí thuê đất	2.498.213.051	2.567.607.863
Chi phí cải tạo văn phòng và sửa chữa tài sản	1.569.423.720	2.191.165.040
Chi phí công cụ dụng cụ	1.550.237.357	1.490.487.010
Khác	127.327.052	225.143.356
TỔNG CỘNG	6.544.124.826	7.282.123.791

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 29)	3.458.449.433	1.711.164.450
Bên khác	46.868.684.734	25.673.393.879
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	6.393.478.816	789.559.983
Công ty Cổ phần Đông Hải 27-7	5.939.457.193	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Thành Nhân	4.621.728.620	173.439.530
Khác	29.914.020.105	24.710.394.366
TỔNG CỘNG	50.327.134.167	27.384.558.329

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Strategic Marine	1.730.120.000	-
Khác	1.181.215.263	12.040.686.482
TỔNG CỘNG	2.911.335.263	12.040.686.482

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	301.971.805	32.455.550.700	(31.536.797.501)	1.220.725.004
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(328.854.607)	4.329.180.521	(1.880.804.299)	2.119.521.615
Thuế thu nhập cá nhân	170.245.477	1.007.245.553	(1.033.883.855)	143.607.175
Khác	7.006.630	1.277.911.331	(1.284.917.961)	-
TỔNG CỘNG	150.369.305	39.069.888.105	(35.736.403.616)	3.483.853.794
Trong đó:				
Phải thu	1.377.828.150	283.217.323	(1.619.816.393)	41.229.080
Phải trả	1.528.197.455	39.353.105.428	(37.356.220.009)	3.525.082.874

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê phụ	6.636.297.146	1.571.355.591
Chi phí lãi vay	13.541.869	26.802.022
Khác	82.000.000	100.000.000
TỔNG CỘNG	6.731.839.015	1.698.157.613

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	2.116.207.926	1.933.500.818
Cổ tức phải trả	524.513.376	446.067.696
Kinh phí công đoàn	193.666.463	489.427.252
Khác	1.398.028.087	998.005.870
Dài hạn	365.000.000	241.000.000
Khác	365.000.000	241.000.000
TỔNG CỘNG	2.481.207.926	2.174.500.818
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	<i>816.000.000</i>	<i>816.000.000</i>
<i>Phải trả bên khác</i>	<i>1.665.207.926</i>	<i>1.358.500.818</i>

20. VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngân hàng	14.944.949.669	33.032.054.181

Chi tiết các khoản vay ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Kỳ hạn trả gốc và trả lãi	Hình thức đảm bảo
	VND		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	14.944.949.669	ngày 28 tháng 3 năm 2019	Quyền sử dụng đất.

Khoản vay được tính theo lãi suất thị trường.

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Năm trước		
Số đầu năm	209.723.210.000	209.723.210.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-
Trích lập các quỹ	-	-
Cổ tức đã công bố	-	-
Số cuối năm	209.723.210.000	209.723.210.000
Năm nay		
Số đầu năm	209.723.210.000	209.723.210.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-
Trích lập các quỹ	-	-
Cổ tức đã công bố	-	-
Số cuối năm	209.723.210.000	209.723.210.000
Vốn cổ phần	209.723.210.000	209.723.210.000
Thặng dư vốn cổ phần	15.257.068.213	15.257.068.213
Quỹ đầu tư phát triển	2.909.120.561	2.443.477.074
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	49.372.240.767	17.644.193.882
Tổng cộng	277.261.639.541	261.003.874.849

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Cổ phiếu

	Số cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	20.972.321	20.972.321
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	20.972.321	20.972.321

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (Năm 2017: 10.000 VND).

21.3 Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong năm		
Cổ tức đã công bố trong năm	25.166.785.200	31.458.481.500
Cổ tức đã trả trong năm	25.088.339.520	31.308.469.755

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải và cho thuê	343.965.004.436	280.663.283.970
Doanh thu bán hàng hóa	-	158.000.000
TỔNG CỘNG	343.965.004.436	280.821.283.970

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.528.098.739	2.951.560.113
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.091.753.235	56.105.057
TỔNG CỘNG	4.619.851.974	3.007.665.170

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ vận tải và dịch vụ cho thuê	299.393.348.886	240.726.160.663
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	158.000.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(411.187.184)
TỔNG CỘNG	299.393.348.886	240.472.973.479

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	1.427.871.104	1.130.338.984
Lỗ chênh lệch tỷ giá	81.679.054	130.134.655
TỔNG CỘNG	1.509.550.158	1.260.473.639

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	27.104.149.580	23.218.730.991
Chi phí khấu hao và hao mòn	685.672.250	765.599.696
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	1.056.027.338	(832.541.460)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.578.034.256	6.328.854.791
Khác	2.786.260.212	2.659.277.283
TỔNG CỘNG	38.210.143.636	32.139.921.301

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	26.823.604.347	18.411.976.883
Chi phí nhân công	61.548.783.475	53.336.077.477
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10 và 11)	26.280.781.618	53.966.222.573
Chi phí dịch vụ mua ngoài và thầu phụ	209.475.827.632	135.511.090.343
Chi phí khác	13.474.495.450	11.387.527.504
TỔNG CỘNG	337.603.492.522	272.612.894.780

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	1.585.055.277	15.569.927.968
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	1.398.788.508	14.893.487.678
Tiền phạt thu được	47.775.612	591.500.000
Thu nhập khác	138.491.157	84.940.290
Chi phí khác	(637.475.936)	(825.350.746)
Chi phí nộp phạt	(329.539.452)	(706.037.375)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	(228.937.003)	-
Chi phí khác	(78.999.481)	(119.313.371)
LỢI NHUẬN KHÁC	947.579.341	14.744.577.222

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% thu nhập tính thuế. (Năm 2017: 20%)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.329.180.521	6.493.700.042
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	562.264.019
TỔNG CỘNG	4.329.180.521	7.055.964.061

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.419.393.071	24.700.157.943
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	2.083.878.614	4.940.031.589
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	2.249.850.962	1.860.477.099
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	562.264.019
Khác	(4.549.055)	(306.808.646)
Chi phí thuế TNDN	4.329.180.521	7.055.964.061

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

28.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với trợ cấp thôi việc phải trả do không trọng yếu.

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan:

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm này và năm trước bao gồm:

VND				
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Công ty mẹ	Cho vay	-	47.000.000.000
		Thu hồi nợ vay	-	47.000.000.000
		Cung cấp dịch vụ vận chuyển	4.945.070.897	29.560.684.737
		Cổ tức công bố	21.140.100.000	26.425.125.000
		Mua nhiên liệu	4.562.828.366	4.072.021.642
		Thuê văn phòng	939.818.736	916.972.355
		Lãi cho vay	-	655.861.111
		Cho thuê văn phòng	149.426.843	171.040.976
		Thuê dịch vụ vận chuyển	247.044.908	109.117.819
		Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Bên liên quan	Thuê văn phòng
		Thuê dịch vụ vận chuyển	167.478.691	826.792.485
		Bán tài sản	-	149.090.909
		Cung cấp dịch vụ sửa chữa	-	5.600.000
Công ty Cổ phần Sotrans Hà Tĩnh	Bên liên quan	Thuê dịch vụ vận chuyển	3.097.296.637	559.850.000
		Cung cấp dịch vụ vận chuyển	3.319.587.273	215.630.000
		Cho thuê văn phòng	62.792.156	73.157.200
Công ty Cổ phần Chế tạo điện máy Việt Nam – Hungari 2	Bên liên quan	Mua tài sản	-	38.293.000

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ vận chuyển Cho thuê văn phòng	190.000.000	7.589.141.283
Công ty Cổ phần Sotrans Hà Tĩnh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển Cho thuê văn phòng	849.161.139	26.455.000
			-	839.608
TỔNG CỘNG			1.039.161.139	7.624.751.891
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Công ty Cổ phần chứng khoán IB	Bên liên quan	Trái phiếu	15.000.000.000	41.140.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần kho vận Miền Nam	Công ty mẹ	Mua nhiều liệu Thuê văn phòng Thuê dịch vụ vận chuyển	1.600.648.100	951.726.600
			174.270.623	175.512.990
			3.300.000	12.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Bên liên quan	Thuê mặt bằng Thuê dịch vụ vận chuyển	1.552.150	198.034.860
			196.226.560	-
Công ty Cổ phần Sotrans Hà Tĩnh	Bên liên quan	Thuê dịch vụ vận chuyển	1.482.452.000	373.890.000
TỔNG CỘNG			3.458.449.433	1.711.164.450
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Liên doanh BNX-Vietranstimex	Công ty liên doanh	Phải trả khác	816.000.000	816.000.000

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	1.233.581.000	2.507.485.000
Thù lao Hội đồng Quản trị	312.000.000	234.000.000
TỔNG CỘNG	1.545.581.000	2.741.485.000

30. LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	6.090.212.550	17.644.193.882
Trừ quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(882.209.694)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	6.090.212.550	16.761.984.188
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	20.972.321	20.972.321
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	290	799
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	290	799

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2017 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2017 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2018 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2018 do kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

31. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	3.451.162.294	2.659.459.675
Từ 2 đến 5 năm	3.413.483.920	2.270.164.520
Trên 5 năm	9.790.084.493	9.790.084.493
TỔNG CỘNG	16.654.730.707	14.719.708.688

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.


 Hoàng Thị Thanh Huyền
 Người lập


 Võ Thị Mùi
 Kế toán trưởng


 Đỗ Hoàng Phương
 Tổng Giám đốc



Ngày 1 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN
 VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG
 THỨC VIETRANSTIMEX

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
 ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX
 DN: c=VN, st=ĐÀ NẴNG, l=Hải Châu, cn=CÔNG
 TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC
 VIETRANSTIMEX
 O=S.2342.19200300.100.1.1-MCK0400101901
 Date: 2019.03.09 16:42:35 +07'00'

Số: 087/2019/CV-TCKT
V/v giải trình báo cáo tài chính kiểm toán năm
2018

TP Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2019

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Tên Công ty đại chúng: Công ty CP Vận tải Đa phương thức Vietranstimex
 Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 9, tòa nhà B&L TOWER, số 119-121 Ung Văn Khiêm, Phường 25,
 Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 028 3826 3621 Fax: 028 3826 3622
 Website: www.vietranstimex.com.vn Email: sales@vietranstimex.com.vn

Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về
 việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex (Công ty) xin giải trình về
 biến động trên 10% của chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (LNST) tại báo cáo
 kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 so với cùng kỳ năm trước như sau:

Báo cáo	LNST	Năm 2018	Năm 2017	Chênh lệch	
				Số tiền	%
(1)		(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(5)=(4)/(3)
BCTC tổng hợp		6.090	17.644	(11.554)	(65,48%)
BCTC riêng		4.305	8.158	(3.853)	(47,23%)

Nguyên nhân:

- Một số công trình lớn dự kiến thực hiện trong năm 2018 bị giãn tiến độ hoặc hoãn thực hiện.
- Công ty vẫn đang thực hiện trích khấu hao nhanh cho các phương tiện vận tải, máy móc thiết bị đầu tư từ năm 2015 trở về trước.

Trân trọng kính chào!

CÔNG TY CP VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX



Nơi nhận:
 - Như trên;
 - Lưu: HCNS, TCKT;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
 ĐA PHƯƠNG THỨC
 VIETRANSTIMEX

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
 ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX
 DN: c=VN, st=ĐÀ NẴNG, l=Hải Châu, cn=CÔNG TY CỔ
 PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX
 O=S.2342.19200300.100.1.1-MCK0400101901
 Date: 2019.03.09 16:38:26 +07'00'

TỔNG GIÁM ĐỐC
 Đỗ Hoàng Phương



TP Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2019

CHỮ KÝ NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đỗ Hoàng Phương